

THẬP BÁT LA-HÁN

Trước tác: Lâm Thế Mẫn.

Việt dịch: Thích Đạo Luận.

Mục Lục

Tôi viết Thập Bát La-hán

- I. A-la-hán là gì ?
- II. Ảnh hưởng của A-la-hán đối với Trung Quốc
- III. Xuất xứ mười sáu vị La-hán
- IV. Nguyên nhân đưa đến mười tám vị La-hán
- V. Tượng thập bát La-hán nổi tiếng xưa nay
- VI. Giai thoại về mười tám vị La-hán

Mười tám vị La-hán

Phần 1

1. Tân-đầu-lô-phả-la-đọa
2. Ca-nặc-ca-phạt-sa
3. Ca-nặc-ca-bạt-ly-nọa-xà
4. Tô-tần-đà
5. Nặc-cự-la

Phần 2

6. Bạt-đà-la
7. Ca-ly-ca
8. Phạt-xà-la-phất-đa-la
9. Thú-bác-ca
10. Bán-thác-ca

TÔI VIẾT THẬP BÁT LA-HÁN

Thập bát La-hán là căn cứ vào sách *Pháp trụ ký*, từ mười sáu vị La-hán diễn biến thành. Mười sáu vị La-hán mặc dù có danh tánh rõ ràng trong kinh điển nhưng thường người ta không nêu ra; còn về hai vị được thêm vào thì mỗi người lại đưa ra mỗi ý kiến, chủ trương khác nhau, khiến mọi người không biết nên giữ ý nào bỏ ý nào.

Thánh tích có liên quan đến cuộc đời trụ thế, hoằng pháp của mười sáu vị La-hán thì bị thất lạc lung tung rất khó thu thập lại; còn theo truyền thuyết dân gian thì không đáng tin lắm. Cho nên, để viết quyển sách này, chúng tôi phải lặn lội khắp “thâm sơn cùng cốc” tìm kiếm tư liệu. Song thiết nghĩ, kết quả thu được chắc chắn chưa làm hài lòng độc giả lắm.

Không thể không thanh minh rằng tôi không phải là người lập truyện thay các vị La-hán, mà tôi chỉ viết truyện La-hán cho thiếu nhi. Tìm sử liệu khảo cứu chẳng phải sở trường nên tôi ít hứng thú. Điều tôi quan tâm ở đây là chỗ thần thông biến hóa, muôn màu muôn vẻ của các ngài.

Tuy nhiên, tôi mong sao cuốn sách này xuất bản có thể gây thêm sự chú ý của nhiều người hữu tâm. Rất vui mừng đón nhận những ai chỉ ra chỗ thiếu sót

hoặc cung cấp thêm tư liệu, để quyền sách này được hoàn bị hơn trong lần tái bản.

Cao Hùng 30- 4. PL 2527.

Lâm Thế Mẫn.

I. A-la-hán là gì?

Trong các tự viện Phật giáo ở Trung Quốc, rất nhiều nơi tôn thờ tượng mười sáu hoặc mười tám vị La-hán. Tượng mạo những vị này kỳ lạ khác thường, chẳng ai giống ai: có vị bụng to, có vị gầy như que củi, có vị lông mày dài đến tận đầu gối, có vị mặt đầy vết nhăn, có vị tai to mũi nhọn, có vị môi dày răng ít, có vị phong thái đoan trang, có vị ngây ngây đại đại, có vị cầm chuỗi hạt, có vị cầm gậy trúc.... Nhưng nói chung, hình dáng các ngài đều mang đậm sắc thái Ấn Độ, không giống những người tu ở Trung Quốc. A-la-hán gọi tắt là La-hán, nghĩa là “Bậc đáng được tôn kính”, hay còn gọi là “Tôn giả” ý nói bậc đầy đủ cả tánh đức và trí tuệ. Trong kinh, La-hán có ba nghĩa:

1. Sát tặc: là bậc đã diệt trừ sạch bọn giặc phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, phần hận, tật đố, thân kiến, biên kiến, hư ngụy, vị kỷ, hẹp hòi ... làm phương hại đến sự thanh tịnh an lạc của nội tâm và gây cản trở cho chúng ta tu hành.

2. Ứng cúng: ý nói A-la-hán là bậc đáng được mọi người tôn kính cúng dường. Vì sao? Vì các ngài thật chân tu, phạm hạnh, thành tựu vô lượng công đức, phước huệ trang nghiêm, xứng đáng làm bậc mô phạm cho những hành xử và ngôn hạnh của chúng ta.

3. Bất sanh: qua thời gian tu khổ hạnh, bậc A-la-hán đã tận trừ tất cả phiền não lậu hoặc, chấm dứt gây tạo ác nghiệp và không còn chuyển kiếp đầu thai thọ khổ luân hồi.

II. Ảnh hưởng của A-la-hán đối với Trung Quốc:

Từ khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, những bậc thánh tăng La-hán đạo hạnh cũng dần dần đi vào tín ngưỡng dân gian, sống gần gũi với nhân dân. Lúc đầu, mọi người chỉ thấy huyền kỳ và yêu thích hình tướng kỳ lạ khác thường của các ngài. Nhưng sau đó, thấy khả năng phi hành biến hóa pháp lực vô biên thì ca ngợi tán thán tỏ lòng ngưỡng mộ. Cuối cùng, cảm được tấm lòng Từ bi, vị tha, cứu nhân độ thế của các ngài thì tỏ niềm cung kính. Do đó, A-la-hán mặc nhiên được nhân dân tiếp nhận. Nhất là trong hội họa, điêu khắc, thơ ca, tiểu thuyết Phật giáo đều dùng La-hán làm nhân vật và đề tài cho rất nhiều câu chuyện. Đến nay, Trung Quốc còn có không ít núi non, thực vật, thức ăn, vật dụng...

vẫn lấy La-hán để đặt tên như: núi có động La-hán; cây có tùng La-hán; ẩm thực có rau La-hán, cơm chay La-hán; trang phục có áo La-hán, giày La-hán.

III. Xuất xứ mười sáu vị La-hán:

Y cứ theo kinh điển ghi chép thì ban đầu chỉ có mười sáu vị La-hán. Ngày nay, chúng ta thường nói mười tám vị La-hán là do sau khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc được thêm vào hai vị. Điểm này chúng tôi sẽ bàn lại ở phần sau.

Mười sáu vị La-hán xuất hiện sớm nhất trong *Pháp trụ ký*¹, quyển kinh thư do vị đại A-la-hán Nan-đề-mật-đa-la (Hán dịch là Khánh Hữu) nói tại Srilanka. Dưới đây, tôi xin nói sơ lược về nội dung *Pháp trụ ký*:

Sau khi đức Phật Niết-bàn tám trăm năm, tại nước Sur Tử (nay là thủ đô của Srilanka) có một vị La-hán tên Nan-đề-mật-đa-la đạo hạnh trang nghiêm, biện tài vô ngại, có thể lý giải tất cả các nghi vấn để mọi người được an vui. Vì thế, nhân dân trong nước đó rất tôn kính ngài.

Nhưng một hôm, ngài nói với mọi người:

- Nay các vị! Trách nhiệm hoàng dương Phật pháp ở thế gian của tôi đã tạm xong, không bao lâu

nữa tôi sẽ xa các vị. Ai có thắc mắc gì thì cứ hỏi, tôi sẽ giải đáp cho.

Nghe vậy, ai cũng thương tiếc, tủi khóc sụt sùi. Thấy thế, ngài an ủi:

- Nay các vị! Vạn sự vạn vật trên đời có sanh ắt có diệt, có hợp ắt có tan, chẳng vật gì thường trụ cả, xin chớ quá bi thương. Chỉ cần các vị nương theo Phật pháp tu hành thì tự nhiên sẽ có kết quả. Tôi có sống trên đời này hay không cũng có gì khác đâu!

Nghe ngài nói, lúc này họ mới chịu nín khóc, hỏi:

- Thưa tôn giả! Ngài sắp xa chúng con rồi, không biết còn có vị La-hán nào tiếp tục lưu lại thế gian không?

- À, đương nhiên là có! Cách đây tám trăm năm, trước lúc đức Thế Tôn sắp niết-bàn, Ngài đã đem chánh pháp vi diệu phó chúc cho mười sáu vị La-hán cùng với đệ tử của họ, bảo họ tiếp tục lưu lại nhân gian, dốc sức hộ trì hoàng dương để Phật pháp được trường tồn mãi trên thế gian.

- Thưa tôn giả! Đó là mười sáu vị La-hán nào? – Mọi người thúc giục hỏi.

Thấy thế, Nan-đề-mật-đa-la nêu rõ danh tánh và trú xứ của mười sáu vị La-hán. Ngài nói:

1. Tân-nộ-la-bạt-la-nọa-xà (còn gọi là Tân-nâu-lô-phả-la-đọa), vị Tôn giả này trú tại Tây-cù-đà-ni Châu.

2. Ca-nặc-ca-phạt-sa, vị Tôn giả này trú tại nước Ca-thấp-di-la.

3. Ca-nặc-ca-ly-nọa-xà, vị Tôn giả này trú tại Đông Thắng Thần Châu.

4. Tô-tần-đà, vị Tôn giả này trú tại Bắc-câu-lô Châu.

5. Nặc-cự-la, vị Tôn giả này trú tại Nam Thiệm-bộ Châu.

6. Bạt-đà-la, vị Tôn giả này trú tại Đam-một-la Châu.

7. Ca-ly-ca, vị Tôn giả này trú tại Tăng-già-trà Châu.

8. Phạt-xà-la-phất-đa-la, vị Tôn giả này trú tại Bát-thích-noa Châu.

9. Thú-bát-ca, vị Tôn giả này trú tại núi Hương Túy

10. Bán-thác-ca, vị Tôn giả này trú ở cõi trời Đao-lợi.

11. La-hỗ-la, vị Tôn giả này trú tại Tát-lợi-dương-cù Châu.

12. Na-già-tê-na, vị Tôn giả này trú tại núi Bán-độ-ba.

13. Nhân-yết-đà, vị Tôn giả này trú tại núi Quảng Hiếp.

14. Phạt-na-bà-tư, vị Tôn giả này trú tại núi Khả Trụ.

15. A-thị-đa, vị Tôn giả này trú tại Thấu Phong.

16. Chú-trà-bán-thác-ca, vị Tôn giả này trú tại núi Trì Trụ.

Có người hiếu kỳ hỏi:

- Thưa tôn giả! Nhưng sao tám trăm năm nay không ai thấy hình dáng các Ngài?

- Mười sáu vị đại A-la-hán này cùng chư đệ tử thường tham dự pháp hội khắp các tự viện. Có điều, khi các ngài quang lâm, toàn bộ cách ăn mặc giống hệt như người thường nên hàng phàm phu mắt thịt chúng ta không biết các ngài là đại A-la-hán đó thôi.
- Nan-đề-mật-đa-la đáp.

- Thưa ngài, đến khi nào thì mười sáu vị La-hán ấy mới xa thế giới của chúng con?- Mọi người khẩn thiết hỏi.

- Mười sáu vị La-hán phải ở mãi đến khi nào thọ mạng con người sống đến bảy mươi ngàn tuổi, khi Phật pháp đã hưng thịnh ở nhân gian thì các Ngài mới ra đi. Lúc ấy, mười sáu vị La-hán sẽ vân tập lại một chỗ, vận thần thông dùng kim ngân, trân châu, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách các món bảo vật của thế gian kiến tạo một bảo tháp, rồi thỉnh Xá-lợi của Phật an trí vào bên trong. Sau đó, các ngài cùng chúng đệ tử bay lên hư không nhiều quanh tháp, xưng tán Như lai, rải các thứ hương thơm, hoa báu cúng dường rồi thưa với đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Nhiệm vụ Ngài giao, chúng con đã hoàn thành viên mãn. Bây giờ, chúng con muốn chuyển sanh đến quốc độ khác để hoằng dương Phật pháp”. Nói xong, các ngài dùng chơn hỏa tam muội thiêu thân giữa hư không, nhục thân cháy không còn mảy may. – Nan-đề-mật-đa-la tận tình trình bày để mọi người hiểu rõ việc lưu lại thế gian của mười sáu vị La-hán.

IV. Nguyên nhân đưa đến mười tám vị La-hán:

Sau khi *Pháp trụ ký* được pháp sư Huyền Trang dịch ra Hán văn, mười sáu vị La-hán được đông đảo

Phật giáo đồ Trung Quốc hân hoan đón nhận, ca tụng nồng nhiệt. Nhưng trong kinh điển chỉ có mười sáu vị La-hán, không có danh xưng **Thập bát La-hán**. Thế thì xuất hiện thêm hai vị nữa là do đâu? Tên các ngài là gì? Lai lịch thế nào? Hành tung ra sao? Vì sao các ngài được Phật giáo đồ đời sau chọn đưa vào hàng mười tám vị La-hán?

Thật ra, mười tám vị La-hán là do từ mười sáu vị điển biến phát triển, dần dần thêm vào thành mười tám vị. Nguyên nhân chủ yếu là từ khi bắt đầu có hội họa, tiếp đến là điêu khắc, sau cùng là văn học.

Vào thời Ngũ đại, cách đây khoảng hơn một ngàn năm, tại Trung Quốc có họa sĩ Trương Huyền vẽ tượng mười tám vị La-hán. Đây là tượng mười tám vị La-hán sớm nhất mà chúng ta được biết.

Đến triều nhà Tống, đại văn hào Tô Đông Pha phát hiện những bức tượng đó ở đất Đam Nhĩ (tức Nam Hải sau này) nên cao hứng làm mười tám bài tán ca ngợi (**Tán** là một thể văn cổ sau truyện ký, dùng văn tự ngắn gọn để ca tụng hay phê bình thiên nhiên và con người), nhưng Tô Đông Pha không ghi rõ tên từng vị. Do đó, chúng ta chẳng biết hai vị La-hán mười bảy và mười tám trong bức họa chung qui là ai.

Sau đó không lâu, Hòa thượng Quán Hưu² cũng vẽ tượng mười tám vị La-hán. Khi Tô Đông Pha từ Nam Hải trở về, lúc đi ngang qua chùa Bảo Lâm ở Thanh Hiệp thì nhìn thấy bức họa này. Nhân tiện, ông lại viết tiếp mười tám bài tán nữa. Điểm khác nhau giữa lần này và lần trước là ở trước mỗi bài tán, Tô Đông Pha đều chú thích rõ ràng tên từng vị. Ông cho rằng vị thứ mười bảy là Tôn giả Nan-đề-mật-đa-la, vị thứ mười tám là Tôn giả Tân-đầu-lô. Ở đây, Tô Đông Pha mắc phải một sai lầm không nhỏ, đó là ông ta không biết “Tân-đầu-lô” chính là tên gọi tắt của “Tân-độ-la-bạt-la-nọa-xà”, vị La-hán đầu tiên trong mười sáu vị. Như vậy hóa ra chỉ một người mà lập lại hai lần, sơ suất này không thể chấp nhận được.

Còn tượng mười tám vị La-hán của Trương Huyền và Hòa thượng Quán Hưu vẽ thì vị thứ mười bảy được thêm vào là Tôn giả Nan-đề-mật-đa-la, người nói *Pháp trụ ký* giới thiệu danh tánh, sự tích mười sáu vị La-hán; vị thứ mười tám là pháp sư Huyền Trang, vị cao Tăng đời Đường sang Ấn Độ thỉnh kinh và là người phiên dịch *Pháp trụ ký*, làm như vậy cũng không có gì là vô lý quá đáng. Sai là ở chỗ Tô Đông Pha đã bỏ ngài Huyền Trang mà trùng lập lại Tân Độ La Bát La Đạo.

Đến đời Tống niên hiệu Hàm Thuận năm thứ năm (CN 1269), ngài Chí Bàn³ viết quyển *Phật Tổ*

Thống Ký⁴, ngài không tán thành việc đưa Tôn giả Nan-đề-mật-đa-la vào hàng mười tám vị La-hán, vì Tôn giả là người giới thiệu mười sáu vị La-hán, thời gian cách nhau giữa các ngài đến tám trăm năm, thì làm sao có thể kết hợp ngài với các nhân vật trong tranh được. Hơn nữa lại còn thêm vào Tôn giả Tân-đầu-lô tạo nên sự trùng lặp càng làm mất đi ý nghĩa. Do đó, ngài đề xuất nên đưa hai vị Tôn giả Ca-diếp và Quân-đồ-bát-thán vào hàng mười tám vị La-hán. Ngài Ca-diếp là một trong mười vị đệ tử lớn của Phật, và ngài Quân-đồ-bát-thán cũng là vị đệ tử được đức Phật rất quý trọng. Lúc tuổi xế chiều, đức Phật từng dặn:

- Ta nay đã tám mươi tuổi rồi, sống cũng không còn bao lâu. Ca-diếp, Quân-đồ-bát-thán, Tân-đầu-lô và La-hầu-la, bốn vị hành đạo giáo hóa sau ta nên lưu lại ở đời một thời gian nữa, thay ta hoằng dương Phật pháp hóa độ chúng sanh.

Đến khi mười tám vị La-hán được truyền vào Trung Hoa, Tây Tạng thì ngoài mười sáu vị La-hán vốn có, người ta còn thêm vào cư sĩ Pháp Tăng (Đạt-ma-đa-la) và Bồ Đại hòa thượng. Pháp Tăng là người núi Hạ Lan tỉnh Cam Túc. Thường ngày, ngài tôn thờ mười sáu vị La-hán và luôn được cảm ứng, ngày nào cũng thấy Phật giữa mây phóng quang. Hình vẽ của ngài là lưng mang hòm kinh, bên cạnh có con hổ

nằm. Bồ Đại Hòa thượng tương truyền là hóa thân của Bồ-tát Di Lặc.

Trong *Bí điện châu lâm tục biên*, quyển 4 cũng có tượng mười tám vị La-hán. Vào đời nhà Thanh, vua Cao Tông từng viết lời ca ngợi vào bức họa, nhưng vua thay Tôn giả Ca-diếp bằng Hàng Long La-hán và Tôn giả Di Lặc bằng Phục Hổ La-hán, làm như vậy khác xa với những ý kiến ở phần trước. Mặt khác, việc vua Cao Tông đưa hai vị Hàng Long, Phục Hổ thay ngài Ca-diếp và ngài Di Lặc cũng có người không tán thành vì long và hổ là hai con vật tượng trưng của Đạo giáo, không quan hệ gì mấy đến Phật giáo.

Tổng hợp những ý kiến trên, ta thấy sự xuất hiện của mười tám vị La-hán hoàn toàn không có căn cứ trong kinh điển, chỉ do các họa sĩ ngoài mười sáu vị La-hán lại vẽ thêm vào hai vị và được quần chúng tiếp nhận rộng rãi mà thôi. Từ đó, mỗi khi nhắc đến La-hán là mọi người đều nói mười tám vị La-hán, không ai nói mười sáu vị La-hán. Còn về hai vị được thêm vào là hai vị nào thì do mỗi người mỗi ý kiến nên không ai tìm tòi nghiên cứu làm gì.

V. Tượng thập bát La-hán nổi tiếng xưa nay

Họa sĩ các triều đại vẽ tượng mười tám vị La-hán nổi tiếng có: Tả Lễ đời Hậu Đường; Quán Hưu đời

Tiền Thục; Lý Công Lĩnh, Cù Nhữ Văn, Cổ Sư Cổ, Tăng Hải Luân đời Tống; Triệu Mạnh Phủ, Phương Phương Hồ đời Nguyên; Cừu Anh, Ngô Bân, Đinh Vân Bằng, Tiền Công, Lý Lĩnh, Trần Phạm v.v... đời Minh.

Về phương diện điêu khắc, sớm nhất có tượng mười sáu vị La-hán tại động Yên Hà ở Hàng Châu do Ngô Diên Sảng nước Ngô Việt⁵ tạc, gồm trong vách phải hai vị, vách trái mười vị, phía trước bốn vị. Ngô Diên Sảng là em vợ của Tiền Nguyên Quán – vua nước Ngô Việt. Vào triều nhà Tống, cũng tại động này, ông ta đã tạc thêm hai vị: một là Bồ Đại Hòa thượng và một vị nữa không rõ tên, nhưng kỹ thuật vụng về không bằng mười sáu vị La-hán trước.

Trên toàn Trung Hoa đại lục cũng có nhiều nơi có phù điêu ***Thập bát La-hán*** nổi tiếng như: chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu, chùa Ngọc Phật ở Thượng Hải, chùa Vạn Niên trên núi Nga My ở Tứ Xuyên v.v... Trong các tự viện tại Đài Loan cũng thường thấy như: chùa Kim Sơn ở Tân Trúc, thiền viện Linh Tuyên ở Cơ Long. Phù điêu ***Thập bát La-hán*** hai bên trong chùa Kim Sơn rất sinh động giống hệt như thật.

VI. Giai thoại về mười tám vị La-hán

Tóm lại, mười tám vị La-hán là do từ mười sáu vị diễn biến thành; hai vị được thêm vào sau thì có nhiều ý kiến bất đồng. Hơn nữa, mười sáu vị La-hán, ban đầu cũng có một số vị trong kinh điển hoàn toàn không có tư liệu nào rõ ràng để tham khảo, thậm chí có vị chỉ có tên, ngoài ra chẳng biết gì thêm. Dưới đây là những giai thoại rất sống động, thú vị về các vị La-hán được căn cứ theo truyện ký của lịch đại các bậc cao Tăng, truyền thuyết dân gian và ghi chép của các loại dã sử tổng hợp rồi cải biên thành. Hy vọng, nó sẽ làm vui lòng quý độc giả.

¹ *Pháp Tru Ký: Đại 49 n 2030, tr. 12c.*

² *Hòa thượng Quán Hưu: Sư ở Đông thiên viện, phủ Thành Đô đời Hậu Lương rất nổi tiếng về thư họa và thơ văn. Mỗi lần vẽ một vị La-hán, sư nói phải cầu mộng để thấy được chân thân mới vẽ xong, nên tranh của sư rất khác thường. Sư viên tịch năm Càn Hóa thứ hai đời Lương, thọ tám mươi một tuổi.*

³ *Chí Bàn: Tăng nhân thời Nam Tống, quê quán, năm sinh, mất không rõ. Sư hiệu Đại Thạch ở chùa Phước Tuyên tại Tứ Minh, chuyên học Thiên thai giáo quán.*

⁴ *Phật tổ thống ký: Đại 49 n 2035, tr.129a.*

⁵ *Nước Ngô Việt: Là một trong mười nước thời Ngũ đại, ngày nay gồm toàn tỉnh Triết giang, đông bắc bộ tỉnh Phước Kiến và tây nam bộ tỉnh Giang Tô.*

MƯỜI TÁM VỊ LA-HÁN

Phần 1: (1-5)

1. TÂN-NÀU-LÔ-PHẢ-LA-ĐỌA (TÂN-ĐỘ-LA-BẠT-LA-ĐỌA-XÀ)

Tôn giả Tân-đầu-lô-phả-la-đọa là vị La-hán đầu tiên trong mười tám vị La-hán, có chỗ dịch Tân-độ-la-bạt-la-đọa-xa. Ngài là người nước Câu-thiểm-di¹, vốn là một vị đại thần danh tiếng dưới trướng vua Ưu Điền.

Ngài họ “Phả-la-đọa” tên “Tân-đầu-lô”. Dưới đây, chúng ta gọi ngài là Tân-đầu-lô.

Tân-đầu-lô quy y theo Phật rất sớm, do nỗ lực tinh tấn tu tập nên khiến vua Ưu Điền cảm động. Thấy ngài thiết tha với Phật, vua đồng ý cho ngài từ quan xuất gia.

Nhờ tư chất thông minh, cộng thêm sự nghiêm mật tinh tấn hành trì nên ngài chứng quả La-hán rất nhanh. Từ khi biết ngài chứng quả, vua Ưu Điền thường xuyên lui tới viếng thăm.

Theo lễ nghi nhà Phật “Sa-môn bát bái vương giả”, do vậy, mỗi lần vua đến, Tân-đầu-lô chỉ chấp tay xá chào. Vì nghĩ rằng mình cũng là một Phật giáo đồ nên vua không cảm thấy Tân-đầu-lô thất lễ.

Nhưng đám cận thần bên vua có một số không tin Phật thì cho rằng Tân-đầu-lô tự cao ngạo mạn. Do đó, những lúc ở trước mặt vua thường đâm thọc thị phi:

- Thưa đại vương! Trong mắt Tân-đầu-lô, ông ta không xem ngài ra gì cả!

- Thưa đại vương! Tân-đầu-lô nghĩ mình mới là vua, còn ngài là thuộc hạ của ông ta!..

Không chịu được những lời gièm tấu của quần thần, vua nổi giận quát:

- Được! Lần này ta đến, nếu như ông ta không ra nghinh đón, quì bái chào hỏi, ta sẽ xử tử ngay tại chỗ.

Vua nổi giận lôi đình, hàm hàm dẫn tùy tùng đi thẳng đến động Tân-đầu-lô ở. Nhưng khi sắp đến nơi thì từ xa vua đã trông thấy Tân-đầu-lô cung kính đứng trước động nghinh đón.

- Cung đón đại vương quang lâm! Xin mời ngài vào! Mời vào! – Tân-đầu-lô chấp tay cúi chào chín mươi lần.

- Ô, miễn lễ! Miễn lễ! – Vua Ưu Điền thấy Tân-đầu-lô một mực cung kính như thế, trong lòng rất xấu hổ, vội xuống ngựa đáp lễ.

Sau khi vào động, mọi người ngồi lại hàn huyên chuyện cũ với nhau, riêng vua âm ức khó chịu hỏi:

- Thưa tôn giả! Thường ngày trăm đến, Tôn giả không ra ngoài động nghinh đón, sao lần này lại ra?

- Thưa đại vương! Trước kia đại vương đến đây với lòng chí thành tôn kính Tam bảo nên tôi không cần ra đón. Nhưng lần này, đại vương ôm hận mà đến, nếu tôi vẫn cứ ngồi trong động ắt sẽ chuốt lấy họa sát thân. Tôi sợ đại vương chỉ vì nhất thời giận dữ mà mắc đại tội sát hại La-hán, tương lai chiêu cảm khổ báo trong địa ngục. Vì thế, tôi mới vội ra ngoài nghinh đón.

Nghe Tân-đầu-lô nói, vua xấu hổ vô cùng vội rời tòa cúi đầu sụp lạy.

Lần khác, Tân-đầu-lô ôm bát vào thành theo thứ lớp khát thực. Khi khát thực đến nhà một phụ nữ keo kiệt bủn xỉn, ngài thấy bà ta đang chiên bánh bao. Định ôm bát đến nhà khác, nhưng vì biết bà này là người bủn xỉn, muốn cho bà ta bố thí gieo chút phước để tương lai có quả báo tốt nên ngài cố ý đi đến chỗ bà ta.

- Cút đi lão hòa thượng! – Bà ta chửi bới om sòm.

Mặc cho bà ta chửi, Tân-đầu-lô vẫn đứng yên bất động, khiến bà ta càng giận dữ thét:

- Cút mau, còn đứng đó làm gì mất thời gian, dù thế nào bà cũng không cho đâu!

Tân-đầu-lô vẫn bình thản không nói, lặng lẽ đến ngồi trước cửa nhập định, giả làm như một người chết. Có lẽ vì chưa từng thấy cảnh thiền định như vậy nên bà ta nhảy thót lên, than:

- Đi nhanh đi mà, đừng có chết ở nhà tôi, tôi gánh không nổi trách nhiệm này đâu. – Vì ở Ấn Độ lúc bấy giờ, Hòa thượng rất được mọi người tôn kính nên bà ta sợ vua kết tội thì không thể nào tránh khỏi bị mời lên quan phủ.

- Được rồi, được rồi! Đứng dậy đi, tôi sẽ cho ông một cái, vậy được chưa, đồ đáng ghét! – Cuối cùng không còn cách nào hơn bà ta đành đồng ý bố thí.

Khi ấy, Tân-đầu-lô từ từ tỉnh lại, mở to mắt đứng dậy.

Thấy Tân-đầu-lô chưa chết, còn vui mừng đứng ngay cửa nhắc lại lời mình vừa nói và xin bánh, bà ta rất hối hận. Nhưng đã nói rồi không thể rút lời lại được nên bà ta đành buộc lòng cho ngài một cái. Song, không nỡ cho mấy cái bánh vừa to vừa thơm

đã chiên sẵn, bà ta cố ý nhào lại một cái nhỏ như cái bánh cảo² rồi thả vào chảo dầu chiên.

Tân-đầu-lô thấy bà này hẹp hòi như vậy trong lòng vừa xót thương vừa buồn cười, nên cố ý dùng thần thông, lúc đầu chỉ có mấy cái bánh bao nhỏ trên chảo, lát sau mấy cái bánh lớn hai bên liên tiếp kết lại càng lúc càng nhiều, dù bà ta cắt xén thế nào bánh cũng kết thành một khối, không thể nào cắt ra được. Cuối cùng, không còn cách nào hơn, bà ta đành đem toàn bộ xâu bánh cho Tân-đầu-lô.

- Cảm ơn bà! Bà thật rộng rãi, cho tôi một lần nhiều chùng này. – Tân-đầu-lô cười hà hà nói.

- Đồ đáng ghét! Cút đi! – Bà ta đau lòng quát.

- Này thí chủ! Tôi nói thật cho bà biết tôi đã chứng A-la-hán vốn không ăn cũng không đói không chết, nhưng tôi có mấy huynh đệ đồng tu, hôm qua ngã bệnh họ không thể ôm bát ra ngoài khát thực nên mới nhờ tôi giúp. Cảm ơn mấy cái bánh của bà. – Nói xong, Tân-đầu-lô chấp tay cảm tạ.

- À, ra là vậy, ông không phải cắt riêng để dùng một mình mà muốn mang về cho các huynh đệ bệnh. Đây, đây, cầm lấy đi...

Bà ta bất chợt xúc động, áy náy nói tiếp:

- Về đó rồi còn cần bao nhiêu nữa thì cứ đến đây. Ở đây còn nhiều lắm.

- Cảm ơn bà, vậy là đủ rồi. Thí chủ cúng dường tài vật vui vẻ như vậy, phước báo tương lai không thể nghĩ bàn. – Tân-đầu-lô nói rồi đi.

Một hôm, ngài cùng Tôn giả Mục-kiền-liên có việc ra ngoài, tình cờ thấy ông Thọ-đề-già dùng gỗ chiên đàn tốt nhất đểo một cái bát, rồi đem bát treo trên cây sào rất cao, sau đó tuyên bố:

- Ai có thể không trèo, không dùng thang mà lấy được bát xuống, tôi sẽ tặng bát cho người ấy.

Tin này gây xôn xao khắp nơi, vì bát chiên đàn là bảo vật quý giá, người thường ai cũng mơ có nó. Nhưng bát treo quá cao họ chỉ đứng nhìn trong thèm muốn mà thôi.

Ấn Độ lúc bấy giờ có rất nhiều bọn ngoại đạo bản lĩnh cao cường cũng dồn dập kéo đến trước. Song, xét cho cùng thì pháp thuật của họ còn non kém nên cứ nhảy tới nhảy lui mãi mà vẫn không tới được cây, rốt cuộc không ai lấy được bát.

Khi ấy, Tân-đầu-lô nói với ngài Mục-kiền-liên:

- Này hiền giả! Ngài là vị đại đệ tử thân thông đệ nhất của đức Thế Tôn, sao không đến thử xem?

Mục-kiền-liên đáp:

- Bay lên để lấy bát chẳng có ý nghĩa gì cao cả. Tôi không thích!

- Nhưng lấy được bát cũng chứng minh được Phật pháp vi diệu hơn ngoại đạo chứ! – Tân-đầu-lô không đồng ý với quan điểm của ngài Mục-kiền-liên.

Thấy Tân-đầu-lô không tán thành, ngài Mục-kiền-liên đành nói:

- Vậy thì một mình ngài đến thử đi!

Tân-đầu-lô liền vận thần thông bay lên không, lượn quanh cây sào bảy vòng rồi đưa tay lấy bát. Sau đó, từ từ trở xuống đất trong dáng vẻ nhẹ nhàng hân hoan với tiếng vỗ tay reo hò của hàng vạn người.

Nhưng sau khi về đến tinh xá, ngài bị đức Phật quở trách:

- Trước mặt thiên hạ mà biểu diễn thần thông, không những chẳng ích lợi gì cho việc hoằng dương Phật pháp, trái lại dễ làm mọi người ngộ nhận cho rằng tu học Phật pháp cũng chỉ để biểu diễn thần thông phi thường mà thôi.

- Bạch đức Thế Tôn! Lần sau con không dám nữa. - Tân-đầu-lô xấu hổ thừa.

- Được rồi, đừng buồn! Nhưng ông đã biểu diễn rồi mọi người ai cũng kính phục ông. Vì vậy, ông sẽ phải tiếp tục lưu lại thế gian, vĩnh viễn không được ra đi để làm phước điền cho chúng sanh gieo trồng thiện căn.

Tân-đầu-lô vâng lời Phật dạy nên hơn hai ngàn năm nay, ngài luôn lưu lại thế gian thay tên đổi họ, tiếp tục không ngừng nỗ lực hoằng dương Phật pháp, chỉ vì chúng ta phàm phu không nhận ra ngài thôi.

Ngoài ra, còn một số tích nữa có thể chứng minh Tân-đầu-lô vẫn thường cùng sinh hoạt quanh chúng ta:

Vào thời Ngũ đại, vua nước Ngô Việt là Tiên Lưu rất thâm tín Phật pháp. Lần nọ, vua tổ chức một pháp hội lớn chưa từng thấy để cúng dường Tăng chúng các nơi. Quần thần có người tâu:

- Thưa đại vương! Ngài nên giữ lại một chỗ tốt nhất chờ đón bậc đại A-la-hán.

- Chờ ai? – Vua hiếu kỳ hỏi

- Thưa đại vương! Đó là Tôn giả Tân-đầu-lô, vì từ xưa đến nay chỉ cần người nào thiết lễ trai điền cúng dường Tăng chúng và thành kính cung thỉnh thì không lần nào mà ngài không đến.

Tuy bán tín bán nghi, nhưng vua vẫn để dành một chỗ tốt nhất cho vị khách quý không cho bất kỳ ai ngồi vào đó.

Pháp hội tiến hành tung bừng náo nhiệt, mãi đến khi hoàng hôn buông xuống thì bỗng nhiên xuất hiện một vị Hòa thượng lạ, tướng mạo gầy ốm, lông mày vừa trắng vừa dài, từ hướng núi phía tây bay qua cửa sổ, đến ngòai trên chỗ của khách quý ăn uống vui vẻ. Lát sau, ngài đứng dậy nói với mọi người:

- Cúng dường Tam bảo công đức vô lượng! Ha ha, ta là Tân-đầu-lô. Ta đi đây!

Ấn Độ vào thời vương triều Khổng Tước, vua A-dục là một Phật tử rất thuần thành. Có lần, vua thỉnh ba mươi vạn vị Hòa thượng đến hoàng cung thọ trai. Chỗ ngòai trong và ngoài hoàng cung, chư vị Hòa thượng đã an tọa đầy đủ, duy chỉ còn lại chỗ tốt nhất vẫn không có ai ngồi.

Vua A-dục thấy lạ hỏi:

- Sao chỗ này không ai ngồi?

Các vị Hòa thượng đáp:

- Đây là chỗ của Tôn giả Tân-đầu-lô. Đại vương hãy chỉ thành cung thỉnh, Tôn giả nhất định sẽ đến.

Nghe xong, vua chấp tay ngưỡng vọng lên trời, chốc lát quả nhiên thấy Tân-đầu-lô và chúng đệ tử từ trên trời bay xuống.

Công nguyên năm 490, Lương Võ Đế bị một cơn bạo bệnh, bất kỳ danh y nào xem cũng nói không qua khỏi, dường như sắp băng hà.

Khi ấy, Lương Võ Đế hạ chỉ khắp nước:

- Ai trị lành được bệnh của ta, ta sẽ đem số châu báu trong nước chia cho một nửa.

Tối đến, vua nằm mộng thấy một vị Hòa thượng diện mạo gầy ốm, đôi mắt sáng quắc nói với mình rằng:

- Bệnh của ông là do ham thích hưởng thụ phú quý, không đoái hoài gì đến sự đói khát cơ hàn khổ khổ của nhân dân. Do đó, muốn khỏi bệnh phải khai mở quốc khố, cứu giúp muôn dân nghèo khổ, cúng dường mười phương Tăng chúng, đồng thời phải tự mình gieo trồng thiện căn công đức.

Lương Võ Đế làm theo lời vị Hòa thượng ấy dạy, không lâu bệnh quả nhiên khỏi. Vô cùng cảm kích trước ơn cứu mạng của vị Hòa thượng kia, nhưng không được thấy mặt nên vua lập một hương án trong vườn hoa chí thành cầu nguyện, hy vọng vị ân nhân cứu mạng hiện thân. “Hữu cảm tất thành, hữu

cầu tát úng”, thật vậy đến nửa đêm, Hòa thượng từ trên trời bay xuống nói với Lương Võ Đế rằng:

- Ta chính là Tân-đầu-lô. Sau này, ông nên dốc sức hộ trì Phật pháp.

Vào đời Đông Tấn, pháp sư Đạo An³ là bậc cao Tăng phiên dịch kinh điển ở Trung Quốc. Trong lúc dịch, ngài thường ngần ngại cho chỗ dịch của mình không lột tả hết được bốn ý Phật dạy nên luôn ưu tư bất an.

Một hôm, ngài ngưỡng mặt lên trời nguyện:

- Nếu như chỗ phiên dịch của con không sai lệch ý chỉ Phật pháp thì xin chư hiền thánh hiển lộ thần tích cho con thấy.

Tối hôm đó, ngài nằm mộng thấy một vị Hòa thượng lông mày trắng nói với ngài rằng:

- Ta là Tân-đầu-lô ở đất Ấn Độ. Lấy tư cách là một vị đại A-la-hán đắc quả, ta bảo chứng những kinh điển ông dịch đều rất chính xác.

Căn cứ vào những giai thoại ngắn trên, ta thấy Tôn giả Tân-đầu-lô luôn phụng hành di chúc của Phật, vĩnh viễn lưu lại nhân gian hồng dương Phật pháp. Và theo ghi chép trong *Pháp trụ ký* thì hiện

tại, ngài đang cùng một ngàn vị đệ tử trú tại Tây-cù-đà-ni Châu.

2. CA-NẶC-CA-PHẬT-SA

Tôn giả Ca-nặc-ca-phật-sa là vị La-hán thứ hai trong mười sáu vị La-hán, có người gọi là Yết-nặc-ca-phước-sa. Đức Thế Tôn thường xưng tán ngài là vị La-hán phân biệt thị phi, thiện ác rõ ràng nhất. Hiện tại, ngài cùng năm trăm vị đệ tử trú ở nước Thấp-di-la.

Khi chưa xuất gia, Ca-nặc-ca-phật-sa là người rất tuân thủ khuôn phép. Dù nói năng hay làm việc, ngài đều nhất nhất giữ gìn, thậm chí ngay cả một ý nghĩ xấu cũng không dám nghĩ. Có nhân duyên được xuất gia, tiếp nhận lời Phật dạy, Ca-nặc-ca-phật-sa càng nỗ lực tinh tấn tu tập. Nhờ những thiện căn công đức gieo trồng được lúc trước nên ngài chứng quả La-hán rất mau.

Sau khi ngộ đạo, Ca-nặc-ca-phật-sa du hóa khắp nơi hoằng pháp độ sanh. Ngài thấy trong sinh hoạt hằng ngày, mọi người thường vô ý gây nhiều nghiệp ác, tương lai phải chiêu cảm khổ báo trong địa ngục mà nguyên nhân là do những tạo tác vô minh của chính bản thân. Cho nên, mỗi khi đến các nơi thuyết pháp, ngài thường xiển minh giáo lý nhân quả, thiện ác để chúng sanh phân biệt rõ ràng cái nào thiện, cái nào ác.

Có lần, đi ngang qua thôn trang nọ, ngài thấy một gia đình đang giết vô số trâu, dê, gà, vịt để làm yến tiệc mừng thọ nhân ngày sinh nhật. Ca-nặc-ca-phạt-sa cố ý đến trước nhà hóa duyên. Gia đình này cũng tin Phật nên tiếp đãi ngài rất thân thiết, nồng hậu.

- Chúc mừng, chúc mừng! – Ca-nặc-ca-phạt-sa chấp tay chúc phúc.

- Cảm ơn sư phụ chúc thọ. – Ông cụ vui vẻ đáp lễ.

Nhân đó, Ca-nặc-ca-phạt-sa chuyển đề tài hỏi:

- Nhưng mà, này ông cụ! Sao ông muốn tổ chức mừng sinh nhật? Có phải vì muốn sống lâu trăm tuổi không?

Ông cụ cười ha hả đáp:

- Đúng vậy, con cháu tôi tổ chức mừng thọ đúng là muốn tôi sống lâu trăm tuổi.

- Nhưng, này ông cụ! Ông có biết cách tổ chức mừng thọ như thế chẳng những không làm ông sống lâu, trái lại còn khiến ông mau chết không? – Ca-nặc-ca-phạt-sa nghiêm giọng hỏi.

- Thật sao? Sao vậy? – Ông cụ giật mình kinh sợ, nét mặt tươi cười biến mất.

Ca-nặc-ca-phạt-sa nghiêm nghị nói:

- Vì trên đời này chỉ có người có lòng vị tha, nhân ái mới trường thọ diên niên. Nếu như ích kỷ vì muốn bản thân mình sống lâu hạnh phúc mà giết hại vô số sinh mạng, khiến chúng đau đớn rên xiết thống thiết, người tàn nhẫn như vậy sao có thể trường thọ được?

- Ô, ra là vậy, xin hỏi sư phụ, tôi phải làm thế nào mới phải? – Ông lão hỏi.

- Đức Phật từng dạy rằng, sinh nhật là ngày khó khăn của mẹ, ngày mà mẹ chúng ta chịu nhiều đau đớn khó nhọc. Vì vậy, bốn phật làm con phải ghi nhớ công ơn trời biển của mẹ, phải biết chia sẻ cảm thông với nỗi đau đớn của mẹ. Do đó, hôm nay chẳng những không được ăn uống vui chơi, trái lại nên tịnh tâm suy niệm ơn đức cha mẹ, quyết chí tinh tấn tu tập để thành tựu đạo nghiệp. Có như thế mới an ủi được lòng mẹ trong muôn một.

Nghe Ca-nặc-ca-phạt-sa giảng dạy, ông lão vô cùng cảm động.

Suốt cuộc đời, Tôn giả Ca-nặc-ca-phạt-sa du hóa khắp nơi, hoằng dương Phật pháp. Ngài như ngọn hải đăng soi đường dẫn dắt chúng sanh trong biển khổ quay về bến bờ thanh tịnh giải thoát.

3. CA-NẶC-CA-BẠT-LY-NỌA-XÀ

Tôn giả Ca-nặc-ca-bạt-ly-nọa-xà là vị La-hán thứ ba trong mười sáu vị La-hán. Ngài là vị đại đệ tử được đức Phật giao phó giáo hóa vùng Đông Thắng Thần Châu.

Đông Thắng Thần Châu nằm trong biển Hàm Hải phía đông núi Tu Di. Tôn Ngộ Không trong “Tây du ký” sinh tại Hoa Quả sơn nước Ngạc Lai chính là thuộc Đông Thắng Thần Châu.

Thuở quá khứ khi còn tu hành hạnh Bồ-tát, Ca-nặc-ca-bạt-ly-nọa-xà từng đầu thai làm con chim ưng rất thâm tín, ủng hộ Phật pháp.

Một hôm, đang đậu nghỉ trên cây, chim nghe mấy vị Hòa thượng ở dưới nói chuyện.

- Ôi, đã mười ngày chúng ta không ăn gì rồi.
- Tôi đói đi không nổi nữa.
- Kỳ lạ, thần Hộ Pháp già lam đi đâu hết rồi nhỉ?

Nghe thấy hoàn cảnh đáng thương ấy, chim quyết định hy sinh thân mình để làm thực phẩm cúng dường các vị hòa thượng. Vì thế, chim lập tức bay lên không, rồi bỏ nhào xuống ngay trước mặt hai vị Hòa thượng kia.

Cảm kích trước nghĩa cử cao đẹp đó, các vị Hòa thượng chẳng những không ăn thịt mà trái lại còn tụng kinh niệm Phật siêu độ cho chim.

Điều đó cho thấy, Ca-nặc-ca-bạt-ly-nọa-xà xưa nay luôn là bậc thánh dũng khí ngất trời, tiết nghĩa vẹn toàn, sẵn sàng xả thân vì nghĩa để cứu giúp muôn loài.

Lúc bấy giờ, quốc vương nước Tăng-già-la¹ ở Nam Hải không tin Phật pháp. Ca-nặc-ca-bạt-ly-nọa-xà liền nghĩ ra một cách đến độ ông ta.

Sáng hôm nọ, đang cầm gương soi mặt, quốc vương giật mình kinh sợ lớn tiếng gọi to:

- Người đâu đến đây mau! Sao ta không thấy ta, người trong gương kia là ai?

Quần thần vội chạy đến nhìn vào gương quả thật chẳng thấy quốc vương, trong gương là một vị bạch y Đại sĩ tay cầm cành dương chi và bình nước cam lồ, khuôn mặt nở nụ cười từ ái.

Quốc vương sắc mặt tái nhợt hỏi:

- Người này là ai?

Trong quần thần có người tin Phật đến trước cung kính thưa:

- Tâu đại vương! Xin Người đừng sợ. Vị trong gương là đức BỒ-tát đại từ bi Quán Thế Âm.

- Được rồi, hãy chiếu theo ảnh trong gương tạc một bức tượng giống vị BỒ-tát ấy! - Quốc vương hạ lệnh.

Từ đó về sau, nhân dân nước Tăng-già-la hết lòng tín ngưỡng Phật giáo.

Khi sang Ấn Độ, pháp sư Huyền Trang trú ở chùa Na-lan-đà² và nghe các vị Hòa thượng trong chùa kể câu chuyện:

Sau khi đức Phật Niết-bàn vài trăm năm, vua Bà-la-a-điệt-đa³ nước Ma-kiệt-đà⁴ xây dựng chùa Đại Phật. Hôm nọ, đến ngày lễ lạc thành chùa, vua thỉnh mấy ngàn vị Hòa thượng đến cúng dường.

Lúc mọi người bắt đầu thọ trai, bỗng nhiên có hai vị Hòa thượng từ không trung bay xuống đứng trên nóc điện Phật. Cả chúng hội ai cũng cảm thấy kỳ lạ và kinh ngạc.

- Xin hỏi các ngài từ đâu đến? - Vua hỏi.

- Ta từ Tây-cù-đà-ni Châu đến. - Vị lông mày trắng đáp.

- Ta từ Đông Thắng Thần Châu đến. - Vị kia đáp.

- Các ngài có phải là hai vị đại A-la-hán Tân-đầu-lô và Ca-nặc-ca-bạt-ly-nọa-xà không? - Vua hỏi tiếp.

- Đúng vậy, chính chúng tôi đây!

- Xin thỉnh các Ngài xuống. Không ngờ hôm nay đã cách Phật diệt độ mấy trăm năm rồi mà Phật tử đời sau chúng con vẫn còn có nhân duyên được thấy các Ngài.- Quốc vương vui mừng, nét mặt rạng rỡ.

- Nay các vị, mười sáu vị La-hán chúng tôi sẽ mãi mãi lưu lại thế gian, cùng tu tập với tất cả Phật tử chí thành đời sau. - Tân-đầu-lô và Ca-nặc-ca-bạt-ly-nọa-xà cười nói.

Thọ trai xong, hai ngài bay lên trời, chớp mắt thì biến mất.

4. TÔ-TÀN-ĐÀ

Tôn giả Tô-tần-đà là vị La-hán thứ tư trong mười sáu vị La-hán. Hiện tại, ngài cùng bảy trăm vị đệ tử trú tại Bắc-câu-lô Châu. Bắc-câu-lô Châu còn gọi là Bắc-uất-đơn-việt nằm phía bắc núi Tu Di.

Cá tánh Tô-tần-đà tương đối hướng nội. Thường ngày, ngài tu tập rất tinh nghiêm, giúp người nhiệt tình, nhưng ít thích nói chuyện.

Mỗi lần đức Phật có việc ra ngoài, Tô-tần-đà hiếm khi đi theo. Ngài chỉ thích ở lại tịnh thất yên lặng đọc sách hoặc quét dọn sân tinh xá.

Có người phê bình cách nói chuyện của ngài không hay. Đức Phật biết được, Ngài an ủi:

- Nay Tô-tần-đà, cách nói chuyện hay hay không hay không liên quan gì đến vấn đề giác ngộ, giải thoát. Mọi người chỉ cần y theo những pháp môn ta đã giảng dạy mà thực hành thì dù không nói câu nào cũng thành tựu đời sống thanh tịnh giải thoát.

Có lẽ đúng thật là ít thích nói chuyện, nên Tô-tần-đà hiếm khi lãng phí thời gian vào việc tán gẫu. Ngài dành trọn thời giờ để đọc sách, tọa thiền. Do đó, ngài chứng quả La-hán rất sớm.

Đương thời, vua nước Ấn-đạt-la¹ muốn xây một tinh xá u tịch thoáng mát tại núi Hắc Phong², nhưng ngặt nỗi tìm không ra những tảng đá cực lớn kiên cố. Thấy vậy, Tô-tần-đà liền vận thần thông chỉ trong một đêm từ bên kia sông Hằng mang đến vô số đá lớn.

Khi tinh xá đã xây hoàn thành thì quốc vương lại chau mày than thở. Hóa ra quốc vương muốn dùng vàng tôn tạo một tượng Phật lớn đặt trong tinh xá nhưng tiếc thay kho lẫm quốc gia không có nhiều vàng đến thế.

Khi ấy, Tô-tần-đà lấy trong đây ra một bình nước thuốc. Chỉ thấy ngài nhỏ vài giọt xuống phiến đá; phiến đá lập tức biến thành vàng.

Quốc vương thấy vậy trong lòng rất vui, liền cho gọi một người thợ giỏi nhất đến lấy vàng tạc tượng Phật để nhân dân chiêm ngưỡng lễ bái.

Năm trăm năm sau khi đức Phật diệt độ, Tô-tần-đà hiện thân nhiều lần tại thành Bà-la-đồ-la nước Kiện-đà-la³ ở Ấn Độ thời bấy giờ.

Có lần, trên đường du hóa từ nước Ca-thấp-di-la⁴ đến nước Kiện-đà-la, ngài gặp một ông Bà-la-môn đang cầm roi đánh đập con mình. Đứa bé bị đánh mình đầy vết roi, la khóc rất đáng thương.

Tô-tần-đà hỏi Bà-la-môn:

- Dạy dỗ con cái, việc gì phải dùng tới đánh đập?

- Không đánh không nên người được!

- Muốn con cái nên người không phải đánh đập là thượng sách, mà phải biết tùy theo khả năng, trình độ của con để dạy mới đúng.

- Không bao giờ có chuyện đó! - Bà-la-môn không đồng ý.

Tô-tần-đà lấy ví dụ để giải thích:

- Ông chưa rõ phải không? Ông thử nghĩ xem tại sao cây khế kia liên tiếp mấy mùa không đơm hoa kết trái và tại sao cây táo lại ra quả èo ọt như nho? Chúng ta chỉ cần siêng năng chăm sóc tưới nước, bón phân thì chắc chắn cây khế và cây táo sẽ đơm hoa kết trái tốt hơn.

Bà-la-môn nghe lời Tô-tần-đà nói có lý hỏi:

- Như vậy, ngài bảo tôi phải dạy con như thế nào?

- Theo tôi thấy, con ông có duyên với Phật, ông nên cho nó xuất gia. Công đức xuất gia không thể dùng ngôn ngữ văn tự nghĩ bàn được đâu!

Bà-la-môn liền chấp thuận cho đưa con yêu quý của mình xuất gia.

Có thể thấy, sau khi chứng quả, biện tài của ngài chẳng thua kém ai! Ngay cả ông Bà-la-môn lời lẽ sắc bén kia cũng không phải là đối thủ của ngài.

5. NẶC-CỰ-LA

Tôn giả Nặc-cự-la là vị La-hán thứ năm trong mười sáu vị La-hán. Hiện tại, ngài cùng hơn tám trăm vị đệ tử trú tại Nam Thiệm-bộ Châu.

Nam Thiệm-bộ Châu còn gọi là Nam Diêm-phù-đề nằm trong biển lớn phía nam núi Tu Di.

Nặc-cự-la chứng quả rất sớm. Đương thời, có vị ngoại đạo tên Uất-đầu-lam-tử, công phu thiền định của ông ta rất cao, có thể tọa thiền suốt ba tháng.

Có lần, Uất-đầu-lam-tử nói với Nặc-cự-la:

- Tôi không tin Phật pháp cũng không cần tu theo phương pháp của Phật nhưng vẫn đắc được định lực, đạt đến cảnh giới nhất tâm bất loạn.

- Ô không, ông sai rồi! Thiền định nhà Phật không giống cách tọa thiền của ngoại đạo. Công phu nhà Phật vượt qua sự quán chiếu bằng trí tuệ, nhẫn nhục thử thách, nghiêm trì tịnh giới mới đạt được, và lại khi đạt đến rồi thì không bao giờ thoái chuyển. Còn ông theo phương pháp tu luyện của ngoại đạo, tuy đạt được định lực, song chỉ là tạm thời không thể an trú vĩnh viễn trong pháp lạc thanh tịnh giải thoát, một khi bị hoàn cảnh bên ngoài khuấy nhiễu, định lực sẽ hủy hoại, tán loạn.

- Hừ, ông còn kém lắm! – Uất-đầu-lam-tử không tin.

Thấy Uất-đầu-lam-tử không tin, Nặc-cự-la cũng không phản bác lại. Ngài lặng lẽ bỏ đi. Dù sao thì sự thật sẽ chứng minh tất cả.

Đương thời, vua nước Ma-kiệt-đà rất tôn kính Uất-đầu-lam-tử. Vua cho rằng pháp thuật và công phu thiền định của ông ta hơn hẳn Nặc-cự-la nên cứ cách mỗi nửa tháng thì tổ chức một lần trai diên để cúng dường Uất-đầu-lam-tử. Mỗi lần đến, ông ta đều bay từ không trung xuống, thần khí phi thường.

Lần nọ, vua có việc đi xa có thể phải mất ba tháng mới về. Sắp đi, vua gọi đến một thể nữ vừa đẹp, vừa biết hầu hạ dạy cứ cách năm ngày phải luộc rau thật ngon chiêu đãi Uất-đầu-lam-tử.

Được thể nữ tiếp đãi tận tình chu đáo, Uất-đầu-lam-tử vô cùng thích thú, trong lòng bỗng nảy ra ý nghĩ: “Thể nữ này vừa xinh vừa luộc rau ngon, hầu hạ lại hết lòng, nếu như được bầu bạn luôn bên ta, điều đó há chẳng phải là sung sướng biết chừng nào sao?!”

Do mong khởi ý niệm này mà công phu thiền định bấy lâu của Uất-đầu-lam-tử đều tiêu mất, không bay được nữa. Ông ta đành đi bộ về lại chỗ mình ở.

Uất-đầu-lam-tử kinh sợ, thấy không thể coi thường nên vội kiết già tọa thiền để công lực khôi phục lại. Nhưng khi mới ngồi xuống thì trong đầu hiện lên toàn giọng nói và hình bóng của thể nữ, ông ta không thể nhập định được.

Uất-đầu-lam-tử chạy đến rừng ngòi thì tiếng kêu rú của chim thú vang lên trong tai. Ông ta chạy đến bên sông thì lại nghe tiếng huyên náo của các loài cá, ba ba dưới nước. Không nhập định được, ông ta căm ghét bọn chúng, giận dữ lập một ác nguyện: “Ta nguyện đời sau đầu thai làm một quái vật, trên trời quắp hết các loài chim, dưới đất vồ chụp hết dã thú, trong nước tóm bắt tất cả cá, ba ba.”

Vì khởi ác niệm như thế nên toàn bộ công phu thiền định trước kia của ông ta đều tiêu mất. Đáng thương hơn là sau khi chết, ông ta bị đọa vào địa ngục thọ khổ.

Nặc-cự-la dùng thiên nhãn thông thấy Uất-đầu-lam-tử đọa địa ngục. Ngài than, rồi nói với vua:

- Đó chính là chỗ pháp tu không rốt ráo của ngoại đạo, những phiền não cơ bản của con người, ông ta chưa diệt trừ hết.

- Ngài nói sao? - Vua hỏi.

- Tôi ví dụ phiền não giống như cỏ độc, chúng ta nhổ cỏ phải nhổ tận gốc, nếu chỉ dùng lưỡi liềm cắt thì không lâu nó sẽ mọc dài ra lại.

- À, Ngài nói có lý.

Lúc này, vua mới hiểu Phật pháp chân chánh đáng quý và phát khởi niềm tôn kính Tôn giả Nặc-cự-la vô hạn. Từ đó, vua dốc lòng ủng hộ hoàng dương Phật giáo.

¹ *Nước Câu-thiểm-di: Tên một nước xưa ở Trung Ấn Độ, rộng hơn sáu ngàn dặm. Vị trí toàn nước hiện nay nằm khoảng hơn 40 km về phía Tây bắc Allahabad.*

² *Bánh cảo: Còn gọi bánh xếp, bánh hấp (Hán: Giảo tử » 餃子, E: Dumplings). Đây là món ăn thường dùng của người miền bắc Trung Quốc. Cách làm là cán bột mì thành hình tròn làm da, cho thịt, rau... làm nhân, xong xếp lại thành nửa hình tròn.*

³ *Pháp sư Đạo An: Ngài người đất Phù Liễu, châu Thường Sơn, sinh năm Vĩnh Gia thứ sáu nhà Đông Tấn (312). Có thuyết nói ngài sinh năm 314 trong một gia đình theo nghiệp Nho. Ngài viên tịch năm Kiến Nguyên thứ 21 đời Tần thụy 72 tuổi.*

¹ *Nước Tăng Già La: Tên một nước thời xưa thuộc Trung Quốc, còn gọi là nước Sư Tử, đảo Lăng Gia; ngày nay là nước Tích Lan.*

² *Chùa Na-lan-đà: Tên một ngôi chùa lớn ở nước Ma-kiệt-đà thuộc Trung Ấn Độ, nằm cách về phía đông chùa Đại Giác thuộc Bồ đề đạo tràng bảy trạm đường do vua Đế Nhật xây sau ngày đức Phật Niết-bàn.*

³ Vua Bà-la-a-điệt-đa: Theo **Tây vực ký** quyển 9 thì đây là vị vua nước Ma-kiệt-đà ở Ấn Độ thâm tín Phật pháp, xây dựng rất nhiều chùa tháp. Nhưng theo **Bà Tâu Ban Đậu pháp sư truyện** thì đây là vị vua thống trị nước A-du-xà ở Ấn Độ thời ngài Thế Thân. Về cuộc đời vua, theo học giả V.A.Smith thì đây là vua Sa-mỗ-đà-la-cáp-đa thuộc dòng vua Cấp-đa.

⁴ Nước Ma-kiệt-đà: Là một trong mười sáu nước lớn và là trung tâm văn hóa chính trị thời đức Phật, vị trí hiện nay là quận Patna, thủ phủ của bang Behar phía đông bắc bộ Ấn Độ.

¹ Nước An-đạt-la: còn gọi là vương triều An-đà-la, là vương triều thống lĩnh phía nam Ấn Độ sau khi vua A-dục băng hà. Vị vua đầu tiên là Thi-ma-ca, họ là Bà-đa-bà-ha. Vương triều này có công hiến rất lớn trong việc chấn hưng Phật giáo Đại thừa. Theo **Tây Vực ký**, quyển 9 thì thủ phủ là thành Bình-kỳ-la. Ngài Trần Na làm ra bộ Nhân minh luận chính là ở nước này.

² Núi Hắc Phong: một ngọn núi nằm ở phía nam Ấn Độ.

³ Kiện-đà-la: Tên một nước xưa ở Ấn Độ, vị trí hiện nay thuộc vùng hạ lưu sông Khách-bố-nhĩ (Kabul) phía tây bắc Ấn Độ, phía bắc lưu vực Ngũ hà. Theo **Tây Vực ký**, quyển 2 thì nước này chiều ngang hơn ngàn dặm, chiều dài hơn tám trăm dặm, phía đông giáp sông Tín Độ, kinh đô là Bố-lộ-sa-bố tức vùng

Bạch-sa-ngõa (Peshawar) thuộc vùng tây bắc Ấn ngày nay.

⁴ *Nước Ca-thập-di-la: Nay là nước Kashmir, nằm phía tây bắc Ấn Độ. Đời Hán gọi là nước Kế Tân, đời Đường gọi là Ca-thập-di-la, thủ đô là Srinagar hiện nay do Ấn Độ quản lý.*

Phần 2: (6-10)

6. BẠT-ĐÀ-LA

Tôn giả Bạt-đà-la là vị La-hán thứ sáu trong mười sáu vị La-hán, là vị đại đệ tử thường theo hầu đức Phật lúc Ngài ở tinh xá cũng như khi ra ngoài. Hiện tại, ngài cùng chín trăm đệ tử trú tại Đam-một-la Châu.

Trong các tự viện ở Trung Quốc, Bạt-đà-la thường được thờ trong nhà tắm. Vì sao như vậy? Giai thoại kể về ngài như sau:

Bạt-đà-la là người chuộng sạch sẽ, rất thích tắm. Khí hậu Ấn Độ lại nóng nên mỗi ngày hẳn có thời gian rảnh là ngài nhảy xuống sông tắm; nếu không thì ngồi xổm bên giếng xách nước xối ào ào từ đầu xuống chân.

Tắm vốn là việc tốt, nhưng tắm kiểu Bạt-đà-la một ngày từ một, hai đến mười lần như vậy thật quá lãng phí thời gian. Do đó, ngài thường vì tắm mà trễ

nãi rất nhiều công việc khác phải làm và hay bị mọi người quở trách.

Chẳng hạn như đến giờ thọ trai, ai nấy đều xếp hàng ngay ngắn ôm bát vào trai đường nhưng chỉ có một mình ngài vắng mặt. Khi ngài tắm xong, cơm rau cũng bị người khác dùng hết. Vì thế, ngài thường bị đói.

Nhiều buổi công phu tối, mọi người đang xướng tán, tụng kinh, tọa thiền trong chánh điện thì ngài lại lén ra ngoài đi tắm, mỗi lần tắm mất cả buổi. Thậm chí ngủ nửa đêm, ngài còn thức dậy đi tắm. Nghe nói có khi một đêm, ngài tắm đến năm, sáu lần.

Có người đem thói quen kỳ quặc này bạch lên Đức Phật. Đức Phật gọi ngài đến hỏi:

- Này Bạt-đà-la, ông thích tắm lắm phải không?
- Dạ phải, bạch Thế Tôn! Con rất thích tắm.

Đức Phật hỏi tiếp:

- Vì sao ông thích tắm?
- Dạ vì tắm tẩy sạch được mồ hôi xú uế, khiến thân thể cảm thấy mát mẻ, sáng khoái, nhẹ nhàng.
- Đúng vậy, này Bạt-đà-la! Tắm có 5 điều tốt: một, tẩy sạch các cấu bẩn; hai, khiến thân thể thanh

khiết; ba, trị được cảm mạo; bốn, giúp thân thể khỏe mạnh; năm, thân tâm được thanh tịnh vui vẻ, cởi mở. Nhưng ông biết tắm phải như thế nào không?

- Dạ đương nhiên là con biết. Mỗi lần tắm, con đều dùng nước kỳ sạch sẽ những chỗ dơ trên thân. - Bạt-đà-la nói rất chắc chắn.

Đức Phật cười nói:

- Không đâu, này Bạt-đà-la! Cách tắm đó chỉ tẩy được những cấu uế trên thân không tẩy được cấu uế trong tâm.

Trước đây chưa từng nghe cách tẩy tâm, Bạt-đà-la thấy lạ hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Tắm còn có thể tẩy được cấu uế trong tâm sao?

- Đúng vậy! Ai hiểu đúng cách tắm ấy thì người đó tẩy sạch được cả trong lẫn ngoài.

Bạt-đà-la sốt ruột muốn biết, bèn hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Con phải tắm như thế nào mới được?

Đức Phật từ ái dạy:

- Nay Bạt-đà-la! Khi tắm phải nghĩ như vậy: “tâm ta thường bị phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, ích kỷ, đố kỵ, ganh tỵ, vị kỷ... làm nhiễm ô, do đó phải dùng nước thanh tịnh tẩy chúng. Tuy không thể một, hai lần là tẩy sạch, nhưng ngày nào cũng tinh tấn thì ắt có ngày thân tâm sẽ được thanh tịnh an lạc.”

Sau khi tiếp nhận lời Phật dạy, ngài hiểu đúng phương pháp và ý nghĩa đích thực của việc tắm rửa rồi theo đó hành trì, không lâu thì giác ngộ chứng quả A-la-hán.

Thấy lợi ích thiết thực của việc tắm, ngài bảo mọi người:

- Nay các vị! Ngày nào cũng tắm rửa, chúng ta thấy việc ấy rất bình thường, nhưng đó lại là một pháp tu hữu dụng, gần gũi thiết thực nhất trong cuộc sống đây!

Từ đó, ngài quyết định phụng sự cho chúng sanh hậu thế, dạy họ cách tắm, giúp hàng vạn người cũng giác ngộ như ngài. Nghe nói, người đời sau nếu như khi tắm không khéo phản tỉnh tư duy, nhớ nghĩ điều thiện thì ngài sẽ lén gài vào tai hoặc đánh vào người họ.

7. CA-LÝ-CA

Tôn giả Ca-lý-ca là vị La-hán thứ bảy trong mười sáu vị La-hán. Hiện tại, ngài cùng một ngàn vị đệ tử trú tại Tăng-già-trà Châu. Tăng-già-trà Châu tức Tích Lan (Srilanka) ngày nay.

Phần trước, chúng tôi đã giới thiệu Tôn giả Nan-đề-mật-đa-la cũng là người Tích Lan. Tích lan chỉ là một hòn đảo nhưng lại có hai vị đại A-la-hán đản sanh. Thật là một điều vinh hạnh đáng tự hào.

Hơn hai ngàn năm trăm năm trước, đức Phật từng bảo:

- Nay Ca-lý-ca! Ông là bậc A-la-hán đạo cao đức trọng. Ông sẽ cùng mười lăm vị La-hán kia lưu lại nhân gian mãi đến khi nào Bồ-tát Di Lặc ra đời, các ông mới được ra đi.

Ca-lý-ca thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Nhưng thế gian rộng lớn như vậy con biết ở nơi nào?

Đức Phật bảo:

- Ô, ông nên ở lại Tăng-già-trà Châu, quê hương của ông.

Từ đó, ngài đưa một ngàn vị đệ tử đến trú tại Tăng-già-trà Châu.

Khi còn tại thế, đức Phật từng đến đảo Tích Lan thuyết pháp, giảng kinh cho vua Dạ Xoa nghe. Bộ “kinh Lăng già” nổi tiếng được giảng tại đây. Ca-lý-ca cũng là một trong số đệ tử theo Phật đến Tích Lan.

Lúc đức Phật sắp rời đảo, vua Dạ Xoa theo hầu không rời nửa bước, rồi quỳ sát đất cung kính thưa:

- Kính lạy đáng Từ bi giáo chủ của trời người, xin thương xót chúng sanh ở đảo chúng con mà lưu lại một vật kỉ niệm gì đó có giá trị để cho hậu thế tin Ngài đã từng đến đây thuyết pháp, giảng kinh.

Cảm động trước lòng thành kính của Dạ Xoa, đức Phật hứa khả lời thỉnh cầu.

Khi ấy mọi người suy đoán: “Đức Thế Tôn sẽ để lại gì đây?”

- Có thể là chiếc áo cà sa!
- Có lẽ là một đôi dép!
- Chắc là một chuỗi hạt!

Nhưng không ai đoán đúng cả, chỉ thấy đức Phật từ từ đưa chân phải lên rồi nhẹ nhàng để xuống. Bỗng nhiên, đại địa chấn động, núi non rung chuyển.

Lát sau, đức Phật chỉ xuống chân nói:

- Ta để lại cái này!

Mọi người trở mắt nhìn, chẳng biết từ lúc nào trên đất đã in một dấu chân thật lớn.

- Chúng con xin đề đầu đánh lễ thành kính tri ơn Thế Tôn. Bạch đức Thế Tôn! Sau này, chúng con sẽ gọi núi này là núi “Phật Túc Sơn”¹ được không? - Vua Dạ Xoa thưa.

- Tốt lắm! Cứ gọi núi này là “Phật Túc Sơn”.

Đáp lời Dạ Xoa xong, đức Phật quay sang Ca-lý-ca bảo:

- Đúng rồi, Ca-lý-ca! Sau này, ông nên lưu lại nơi đây dạy bảo mọi người hằng ngày đến lễ bái, gìn giữ thánh tích này cho trang nghiêm.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Con nhất định sẽ phụng hành. - Ca-lý-ca cung kính đáp.

Phật Túc Sơn lúc bấy giờ là thánh địa nổi tiếng khắp nơi, dân chúng chen nhau đến lễ bái. Nhưng trải qua một thời gian, nó dần dần chìm vào quên

lãng. Con đường nhỏ lên núi cũng bị cỏ hoang phủ kín.

- Phải làm sao đây? – Ca-lý-ca tự hỏi.

Trong thời gian đó, vua Tích Lan là Ba-đạt-gia-mã-ni-a-ba-á bị bại trận, vì trốn chạy kẻ địch truy đuổi nên núp trong sơn động. Một hôm, quốc vương thấy một con nai hoa rất đẹp xuất hiện trước cửa động nhìn mình không chớp mắt, không cảm lòng được vua thốt:

- Ô, nai rừng đẹp quá!

Thế mà lạ thay, vua bỗng như người bị mộng du bước đi theo nai. Khi gần lên núi, nai biến mất. Đang còn cảm thấy kỳ lạ thì vua phát hiện trên đỉnh núi cách đó không xa có ánh hào quang lấp lánh.

Quốc vương giật mình kinh sợ nghĩ trên đó có địch mai phục vội chạy núp vào bụi cỏ. Nhưng qua cả buổi mà vẫn không thấy động tĩnh gì, lúc này vua mới mạnh dạn bước ra, tiến về phía trước nhìn xung quanh, cuối cùng phát hiện dấu chân Phật. Thế là danh tiếng Phật Túc Sơn được tiếp tục lưu truyền. Thì ra, con nai hoa kia chính là do Tôn giả Ca-lý-ca biến.

Trải qua không biết bao nhiêu triều đại, Phật Túc Sơn lại bị trôi dạt vào quên lãng. Do không có người lên núi nên nó đã bị cỏ hoang phủ kín lối đi.

- Phải làm gì đây? – Ca-ly-ca trần trở.

Khi đó, dưới chân Phật Túc Sơn có một vườn hoa của vua Tích Lan rất lớn; trong vườn trồng nhiều loài hoa quý hiếm. Những lúc rảnh rỗi, vua thường dạo chơi ngắm hoa, thưởng thức cảnh ong bướm bay đầy trời với muôn màu hoa thơm cỏ lạ.

Nhưng sáng hôm nọ, khi đến vườn hoa, vua phát hiện mấy cành hồng mà mình yêu thích bị ai đó bẻ đi rất nhiều. Vua giận dữ quát:

- Đáng ghét! Đứa nào dám bẻ hoa của ta hả?

Liên tiếp mấy ngày, hoa trong vườn không ngừng bị kẻ trộm ngắt bẻ. Cuối cùng, vua phái người mai phục bốn phía vườn hoa suốt đêm và bắt được tên trộm bẻ hoa. Thì ra là một thiếu nữ xinh đẹp.

Quốc vương chỉ vào thiếu nữ mắng:

- Con bé chết tiệt kia, sao ngươi dám trộm hoa của ta!?

- Dạ thưa bệ hạ, con bẻ hoa để cúng Phật. - Thiếu nữ chấp tay đáp.

- Láo toét! Gần đây không có chùa lấy đâu ra Phật mà lễ bái cúng dường! - Quốc vương cho rằng thiếu nữ nói dối.

- Thưa bệ hạ! Con không gạt ngài đâu. Trên núi này có dấu chân Phật để lại. - Thiếu nữ đưa tay chỉ vào đám sương mù mờ mịt và những ngọn cây cao hơn hai ngàn ba trăm thước trên núi nói.

Quốc vương bán tín bán nghi, nhưng vì muốn vạch trần lời nói dối của thiếu nữ nên ngài đích thân lên núi. Khi lên tới nơi, bất chợt vua giật mình kinh sợ vì quả nhiên thấy dấu chân Phật. Quốc vương vội đánh lễ dấu chân Phật. Nhưng khi ngẩng đầu lên thì không biết thiếu nữ kia đã biến đi về hướng nào.

Hóa ra, thiếu nữ xinh đẹp kia chính là do Ca-ly-ca biến thành. Ngài dẫn vua Tích Lan phát hiện ra Phật Túc Sơn một lần nữa. Từ đó, Phật Túc Sơn luôn được khắc sâu trong lòng người dân Tích Lan không còn bị lãng quên nữa.

Cho đến nay, lúc nào cũng có người lên núi. Nhất là mỗi năm đến ngày mười lăm tháng ba âm lịch, phong trào quần chúng đến lễ bái thánh tích càng rầm rộ không ngớt. Có được như vậy là nhờ ơn đức của Tôn giả Ca-ly-ca vâng lời phó chúc của Phật trú tại Tích Lan hoằng dương Phật pháp.

8. PHẬT-XÀ-LA-PHẬT-ĐA-LA

Tôn giả Phật-xà-la-phật-đa-la là vị La-hán thứ tám trong mười sáu vị La-hán. Hiện tại, ngài cùng một ngàn một trăm vị đệ tử trú ở Bát-thích-noa Châu. Có người nói ngài chính là Kim Cang Tử trong Mật tông Phật giáo Trung Quốc.

Phật-xà-la-phật-đa-la có thể lực tráng kiện, dũng mãnh vô song, một tay có thể nâng một con voi, nắm một con sư tử ném xa hơn mười mét.

Có lần, Đề-bà-đạt-đa và vua Vị Sanh Oán (tức vua A-xà-thế) bày mưu sát hại đức Phật. Họ dùng rượu phục cho mười mấy con voi lớn uống say, đợi khi đức Phật đi qua đường rồi đem thả chúng ra.

Đám voi say lòng lên như điên, chạy sòng sộc khắp nơi. Khi chúng sắp xông đến đức Phật, Phật-xà-la-phật-đa-la liền nhảy tới trùng vào chúng, không chút sợ hãi. Nhờ thể lực và dũng khí hơn người, ngài xách đầu con voi chúa chế phục, rồi bảo toàn bộ đám voi quỳ xuống thành kính sám hối đức Phật.

Phía bắc tinh xá Trúc Lâm ở nước Ma-kiệt-đà tại Ấn Độ có ao Ca-lan-đà, đức Phật thường đến đó giảng kinh thuyết pháp. Nước trong ao rất trong có thể uống và nấu nướng. Uống nước ao này không những trị được bệnh mà còn khiến tinh thần thoải

mái sáng khoái. Nhưng sau khi đức Phật diệt độ, nước trong ao khô dần và cuối cùng không còn giọt nào. Thấy thế, tín đồ ngoại đạo phao tin nhảm:

- Phật pháp suy vi rồi! Phật pháp sắp diệt rồi!

Nghe tin, Phạt-xà-la-phát-đa-la từ Bát-thích-noa Châu tức tốc trở về. Ngài đưa tay chỉ xuống ao, lập tức nước trong ao đầy trở lại. Dân chúng đứng xem xung quanh rất đông ai cũng cảm thấy kỳ lạ. Phạt-xà-la-phát-đa-la nói với mọi người:

- Nay các vị, mặt trăng có thể làm cho nóng lên, mặt trời có thể làm cho lạnh đi, nước sông Hằng có thể khô cạn, nhưng chân lý mà đức Thế Tôn đã dạy thì không bao giờ thay đổi. Các vị có biết vì sao nước trong ao khô không? Đó là vì mọi người không có niềm tin kiên cố nơi Phật pháp, không ai chịu dốc sức hộ trì nên nước trong ao ngọt ngào mát mẻ như thế mới khô cạn. Nếu như tất cả đều vâng theo lời Phật dạy, một lòng tín thọ phụng hành như lúc Ngài còn tại thế thì tôi bảo đảm rằng nước trong ao sẽ không bao giờ khô.

Nghe Phạt-xà-la-phát-đa-la nói, mọi người vô cùng xúc động, ngọn lửa thâm tín Phật pháp tiếp tục được thắp lên. Quả nhiên từ đó, nước trong ao luôn trong xanh, tràn đầy không bao giờ cạn.

Sau đức Phật diệt độ hơn chín trăm năm, Phật-xà-la-phát-đa-la chuyển kiếp đầu thai làm thái tử nước Ma-kiệt-đà tên là Phật-xà-la, phụ vương là vua Bà-la-a-điệt-đa. Trong thời gian tại vị, ngài dốc sức hoàng dương Phật pháp, kiến lập rất nhiều tự viện. Điều đó cho thấy, Tôn giả thường xuyên lưu lại nhân gian hộ trì Phật pháp, hóa độ chúng sanh.

9. THỨ-BÁT-CA

Tôn giả Thứ-bát-ca là vị La-hán thứ chín trong mười sáu vị La-hán. Ngài cùng chín trăm đệ tử trú trong núi Hương Túy. Ngài còn một tên nữa là Tôn-đà-la nhưng người đời thường gọi ngài là Thứ-bát-ca.

Trước khi tin Phật, Thứ-bát-ca là một vị Bà-la-môn đạo cao đức trọng. Ngài nghe nói thân Phật cao một trượng sáu thì trong lòng hoài nghi nên đến rừng trúc chặt cây trúc dài một trượng sáu, rồi đi tới chỗ Phật. Ngài muốn đích thân mình đo mới tin.

- Ông muốn đo thân tôi cao bao nhiêu phải không? – Đức Phật ôn tồn hỏi.

- Đúng vậy, tôi không tin Ngài cao đến thế. - Thứ-bát-ca đáp.

- Được thôi, ông đo đi!

Được đức Phật đồng ý, Thù-bát-ca cầm sào đến đo. Lạ thay, ngài đo bất cứ cách nào thân Phật cũng cao hơn sào một chút. Chưa chịu tin, ngài đi tìm một cái thang dài rồi leo lên thang đo lại. Thế nhưng, thân Phật cũng cao hơn sào một chút. Đo đến mười mấy lần như vậy, không còn cái thang nào dài hơn nữa mà thân Phật vẫn cao hơn sào. Lúc này, ngài mới tâm phục khẩu phục, thừa nhận đức Phật có thân cao trọng sáu và xin qui y làm đệ tử.

Sau khi xuất gia, trải qua bảy năm khổ hạnh tu hành, cuối cùng Ngài cũng chứng quả A-la-hán.

Vì muốn kỉ niệm chuyện tin Phật ngộ đạo của mình, ngài tìm lại cây sào lúc trước dùng đo thân Phật, rồi đi đến chỗ cũ nói:

- Nếu như Phật pháp là chân lý bất di bất dịch thì xin cây sào này mọc lại và sinh trưởng nơi đây để làm chứng tích cho muôn đời sau.

Nói xong, ngài dùng sức cầm mạnh sào xuống đất, lập tức cây sào ra lá xanh biếc. Về sau nó mọc thêm rất nhiều măng, măng lớn lên thành trúc. Đến nay mọc lan thành cả một rừng trúc lớn tại phía đông bắc núi Kê-túc. Có được rừng trúc như bây giờ là do từ cây trúc ngày trước của ngài cắm xuống. Thế nên có người còn gọi đây là Trượng Lâm (rừng gậy).

Tin này lập tức được truyền khắp bán đảo Ấn Độ. Hay tin nhiều quốc vương đại thần, chư Tăng, Phật tử tập nập kéo đến chiêm bái. Nhưng lân cận vùng này là một hoang dã, cỏ cây thưa thớt không đủ che mát, nghiêm trọng nhất là không có nước uống, do đó rất nhiều người ngã bệnh. Thấy vậy, Thù-bát-ca liền vận thần thông biến ra hai suối nước, một nóng một lạnh để mọi người giải khát, nấu nướng, tắm rửa, giặt giũ. Vì vậy, ai cũng hoan hỷ tán thán cho rằng rất tiện lợi.

Hai suối nước này nằm cách hơn mười dặm về hướng tây nam rừng Trượng Lâm. Mãi đến nay, dân chúng gần đó vẫn còn nhớ mãi ân đức cao dày của Thù-bát-ca.

10. BÁN-THÁC-CA

Tôn giả Bán-thác-ca là vị La-hán thứ mười trong mười sáu vị La-hán và cũng chính là anh của Chú-trà-bán-thác-ca. Hiện tại, ngài đang cùng một ngàn ba trăm vị đệ tử trú tại cõi trời Đao-lợi, nơi thân mẫu đức Phật ở. Vì ra đời ngay bên đường nên ngài được đặt tên là Bán-thác-ca, tên này tiếng Hán dịch là Đại Lộ Biên Sanh (sinh bên đường lớn). Vì sao ngài bị sanh bên đường? Nguyên nhân như vậy:

Mẹ ngài vốn là một thiên kim tiểu thư, con nhà hào phú trong thành Vương-xá ở Ấn Độ. Cô ta đem

lòng yêu một người đầy tớ trong nhà mình, nhưng cha mẹ không đồng ý hôn sự của họ. Không còn cách nào hơn, cô ta bỏ nhà đi theo chàng đầy tớ đến nơi khác cưới nhau. Sau một thời gian sống bên nhau, mẹ ngài mang thai ngài. Theo phong tục Ấn Độ đương thời thì người phụ nữ khi sinh nhất định phải về lại nhà mẹ mình. Nhưng vì bỏ nhà đi, về lại sợ cha mẹ mắng nên mẹ ngài không dám về.

- Làm sao đây? - Vì chuyện này mà ngày nào mẹ ngài cũng sầu muộn lo âu.

- Đợi qua một tuần nữa hãy hay! - Lần nào cha ngài cũng trả lời như vậy. Thật ra, ông ta cũng không biết phải làm sao.

Thấy bụng ngày càng lớn, mẹ ngài sốt ruột lo lắng. Nhưng cách tính dây dưa kéo dài ngày này qua ngày kia ra thì còn có thể làm gì bây giờ?! Cuối cùng, cận kề ngày sanh không thể nán ná thêm nữa, mẹ ngài quyết định về lại nhà. Nhưng khi vừa đi đến nửa đường thì sanh ngài, nên chẳng bao lâu họ quay về lại chỗ cũ.

Năm năm sau, mẹ ngài tiếp tục mang thai, lần này chính là Châu-lợi-bàn-đà-già. Giống như anh mình, Châu-lợi-bàn-đà-già cũng được sanh giữa đường lúc mẹ về nhà ngoại. Do đó, gia đình họ lại dọn về chỗ cũ, rốt cuộc không đến thành Vương-xá.

Vì mưu sinh nơi tha phương khó khăn, sinh hoạt thường nhật vất vả, cha ngài không lo nổi cuộc sống cho gia đình, nên mẹ ngài quyết định đưa hai anh em ngài về nhà ông bà ngoại.

Ông ngoại ngài nghe tin con gái về, bực tức trong lòng chưa nguôi nên cự tuyệt không cho vào nhà. Tuy nhiên, ông đồng ý cho cô ta để lại hai đứa cháu và bằng lòng nuôi chúng tử tế. Như vậy, hai anh em ngài từ nhỏ đã theo sống với ông bà ngoại. Vì ông ngoại là một hào phú nên cuộc sống hai huynh đệ ngài rất sung túc thoải mái. Mặc dù là anh em ruột nhưng họ lại khác nhau rất xa. Bán-thác-ca thì thông minh lanh lợi, nhiều kinh sách chỉ xem qua một lần là thuộc lòng, không bao giờ quên. Còn Châu-lợi-bàn-đà-già thì ngu đần ngốc nghếch ngay cả cây chổi cũng không nhớ.

Năm tháng thấm thoát trôi qua, mới đó mà Bán-thác-ca đã là một thanh niên trí thức. Ngài thường theo ông ngoại đến nghe đức Phật thuyết pháp, rồi trong lòng ôm ấp ý định xuất gia.

Một hôm, ngài quyết định thưa với ngoại:

- Thưa ông, cháu muốn xuất gia, ông cho phép cháu đi nha!?

- Tốt lắm! Xuất gia tu hành được là phước báo nhiều kiếp, ông vui mừng không gì bằng, sao lại không đồng ý cơ chứ!

Không ngờ mới nói qua một tiếng mà ông ngoại ngài liền chấp thuận. Sau khi xuất gia, nhờ tư chất thông minh cộng với sự dũng mãnh tinh tấn đêm ngày, nên không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Sau khi chứng quả, ngài nhớ đến đứa em ngu dốt ở nhà, trong lòng nghĩ: “Nếu như Châu-lợi-bàn-đà-già cũng được xuất gia thì hay biết mấy nhỉ?”. Vì thế nên, sau khi thưa thỉnh và được ông ngoại đồng ý, ngài dẫn Châu-lợi-bàn-đà-già đến Phật xin quy y xuất gia làm Sa-môn.

Mặc dù đã xuất gia nhưng vì quá tối trí nên đạo nghiệp Châu-lợi-bàn-đà-già vẫn không chút tiến triển. Do đó, Bán-thác-ca khuyên ngài nên hoàn tục (chuyện này xin xem phần Tôn giả Chú-trà-bán-thác-ca). Bán-thác-ca đối xử với em mình như thế cũng là vì tình thương và trách nhiệm sâu sắc. Huống gì sau này Châu-lợi-bàn-đà-già cũng chứng quả, công dẫn dắt ngài đầu tiên đến với Phật của Bán-thác-ca không phải không có.

Có lần danh y thành Vương-xá là Kỳ-bà thỉnh đức Phật và các vị đã chứng quả A-la-hán đến nhà thọ trai. Bán-thác-ca được giao phụ trách việc kiểm

số lượng xem có bao nhiêu vị La-hán tham gia buổi trai tăng này, còn Kỳ-bà chỉ căn cứ vào danh sách mà Bán-thác-ca đưa ra để chuẩn bị chỗ ngồi.

Lúc đó, Châu-lợi-bàn-đà-già vừa ngộ đạo nhờ pháp tu quét rác. Nhưng ngài không thích phô trương nên chẳng ai biết, ngay cả Bán-thác-ca cũng không hay. Do đó, khi lên danh sách, Bán-thác-ca không ghi Châu-lợi-bàn-đà-già. Vì vậy, đến ngày trai tăng chỉ có một mình Châu-lợi-bàn-đà-già ở lại tinh xá.

Đợi mọi người đều ngồi vào đại sảnh nhà Kỳ-bà, khi chuẩn bị thọ trai thì đức Phật bảo:

- Chờ một chút, còn một vị La-hán chưa đến.

Nghe đức Phật nói, Bán-thác-ca thấy lạ hỏi:

- Dạ sao? Để con kiểm tra lại một tí.

Bán-thác-ca đối chiếu danh sách cẩn thận một lần nữa thấy những người có tên đều đến đầy đủ, ngài cung kính bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Tất cả đã đến đầy đủ rồi.

- Có thật tất cả đã đến đầy đủ rồi không? - Đức Phật từ ái hỏi.

- Dạ vâng, không sót một ai! – Bán-thác-ca đáp rất chắc chắn.

- Ông về lại tinh xá xem còn vị La-hán nào chưa đến không!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn! – Nói xong, Bán-thác-ca vội ra đi.

Biết trước anh mình sẽ về nên Châu-lợi-bàn-đà-già muốn bày trò đùa với anh, và luôn tiện để cho anh biết sự bất ngờ rằng đũa em ngu ngốc cũng ngộ đạo. Do đó, ngài vận thần thông biến ra hơn một ngàn vị Hòa thượng khác nhau, mỗi vị tọa thiền mỗi nơi.

Khi trở về, Bán-thác-ca thấy ngạc nhiên, thầm nghĩ: “Sao lại có nhiều vị Hòa thượng đến thế này?”. Ngài liền tọa thiền nhập định dùng thiên nhãn quán xét tường tận thì mới vỡ lẽ: “Ồ, thì ra là em mình bày trò đây!”. Bán-thác-ca vui mừng khôn xiết, liền xuất định đứng dậy ôm chầm lấy em xúc động nói:

- Sư đệ! Chúc mừng! Chúc mừng! Hóa ra em đã chứng quả.

Châu-lợi-bàn-đà-già cũng vui mừng ôm lấy anh xúc động nói:

- Sư huynh! Cảm ơn anh! Cảm ơn anh đã lân mẫn dẫn dắt, dạy bảo em!

Khi hai anh em ngài cùng đến đại sảnh, cả pháp hội ai cũng cảm động, nhiệt liệt tán thán ngợi khen.

Ngay lúc ấy, đức Phật bảo:

- Này Bán-thác-ca và Châu-lợi-bàn-đà-già! Thật khó ai được như hai anh em các ông vừa cùng xuất gia học đạo, vừa tận trừ tất cả phiền não lậu hoặc, chứng quả A-la-hán, thọ hưởng pháp lạc thanh tịnh vô thượng, thật đáng mừng đáng quý. Sau này, hai ông nên đồng tâm hiệp lực cùng nhau lưu lại nhân gian hoằng dương Phật pháp, tạm thời không được rời xa!.

Khi đức Phật tuyên bố hai ngài được chọn vào hàng mười sáu vị La-hán lưu lại thế gian thì bầu không khí pháp hội càng trở nên tưng bừng hân hoan.

¹ *Phật Túc Sơn: Theo hai chương mở đầu của hai cuốn sách Đảo Sử và Đại Sử của Tích Lan có ghi truyền thuyết rằng đức Phật từng ba lần đến thăm đảo Tích Lan. Lần thứ nhất là vào tháng chín sau khi thành đạo, Ngài đến Ma-hê-wong-dà-na tháp thuộc vùng cư trú của thổ dân tộc Dạ Xoa. Lần thứ hai là vào năm thứ năm sau khi thành đạo. Lần thứ ba là vào năm thứ tám sau khi thành đạo, đức Phật cùng*

năm trăm vị tỳ kheo tới Ca-lê-da (Kalyani) nhận sự cúng dường của vua Long vương Ma-ni. Sau đó, Ngài tới đỉnh Tu-ma-na và để lại dấu chân tại đó (Phật Túc sơn?). Người Tây phương gọi là núi Á Dương (Adam's Peak).

Phần 3: (11-15)

11. LA-HỒ-LA

Tôn giả La-hồ-la chính là La-hầu-la, con của thái tử Tất-đạt-đa. Ngài là vị La-hán thứ mười một trong mười sáu vị La-hán. Hiện tại, ngài đang cùng một ngàn một trăm đệ tử trú tại Tất-lợi-duong-cù châu. Trong “Thập đại đệ tử Phật”, ngài được xưng tán là vị Mật hạnh đệ nhất.

Về cuộc đời Ngài, chúng tôi đã giới thiệu rất nhiều trong quyển “Thập đại đệ tử Phật” của *Từ ân Phật giáo nhi đồng tùng thư*, ở đây chỉ nói thêm vài mẩu chuyện thú vị khác.

Ba chữ “La-hầu-la” hán dịch là Phú Chương. Vì sao đức Phật đặt cho ngài tên này? Câu chuyện được tương truyền:

Khi chưa ra đời, ngài ở trong bụng vương phi Da-du-đà-la suốt sáu năm. Thông thường, trẻ con ở trong bụng mẹ lâu nhất cũng chỉ có mười tháng, thế mà ngài lại ở đến sáu năm, thật kỳ lạ! Nguyên nhân

là vì sao? Chuyện kể rằng vì tiền kiếp của ngài lúc còn là một đứa trẻ ngây thơ chưa biết gì, có lần nghịch ngợm lấy đá và bùn lấp một cái hang chuột khiến lũ chuột trong hang khốn đốn sáu ngày không ăn uống gì cả. Do đó, đời này ngài mắc quả báo ở trong bụng mẹ sáu năm.

Khi ngài lên chín tuổi, đức Phật sai Tôn giả Mục-kiền-liên, vị đại đệ tử thần thông đệ nhất, về vương cung dẫn ngài đến sống bên mình; rồi bảo Tôn giả Xá-lợi-phất thế độ cho ngài xuất gia. Vì vậy, trong sử Phật giáo, ngài là vị tiểu Sa-di đầu tiên.

Thời làm Sa-di, vì nghĩ mình là thái tử một nước nên ban đầu ngài chưa thoát khỏi tập quán xấu của thời quý tộc, đã bướng bỉnh lại còn hay gây sự phá rối, không chịu dụng tâm tinh tấn tu hành đàng hoàng.

Một hôm, đức Phật không chịu được bèn gọi ngài đến và kể cho ngài nghe câu chuyện:

- Thuở quá khứ, có một vị vua nuôi một con voi dũng mãnh thiện chiến. Mỗi lần giao chiến với kẻ địch không lần nào nó không đánh thắng.

Vua rất thương mến voi nên mặc cho toàn thân nó giáp sắt rất dày, tai, chân cũng bọc sắt, nhưng riêng vòi thì không. Vòi của nó là phần mềm nhất toàn thân, nếu không cẩn thận dễ bị trúng tên hay bị

chém thì sẽ tử vong. Vì thế, để bảo vệ mạng sống mỗi lần tác chiến voi đều đặc biệt chú ý đến vòi.

- Này La-hầu-la, con cũng nên bắt chước như con voi bảo vệ cái vòi vậy, phải hết sức thận trọng trong lời nói, việc làm. Con thấy đó, đời trước con nhỏ dại nghịch ngợm lấp hang chuột mà bị mắc quả báo ở trong bụng mẹ sáu năm không thấy ánh sáng. Nếu như bây giờ con cũng như vậy, suốt ngày chỉ biết ăn chơi lêu lổng quậy phá làm nhiều việc xấu, không chịu nỗ lực tinh tấn tu tập, con không sợ hậu quả sẽ là một chuỗi ngày dài bất hạnh sao?!

La-hầu-la nghe lời Phật dạy tỉnh ngộ. Từ đó, ngài hạ thủ công phu dụng công tu tập không dám biếng nhác nữa. Phát tâm dụng công tu tập, La-hầu-la thể hiện trọn vẹn những mỹ đức khiêm cung nhẫn nhục, không thích tranh cãi hơn thua nên phòng của ngài thường bị người khác chiếm ở; lắm lúc ngài phải vào nhà xí ngủ qua đêm. Một hôm, vì truyền đạo ngài bị tín đồ ngoại đạo đánh vỡ đầu. Thế nhưng, ngài vẫn không một lời than oán, lặng lẽ đến bờ suối rửa sạch máu dơ rồi dùng khăn băng vết thương lại.

Có lần, có một tín chủ cúng cho ngài một tịnh thất làm nơi tu tập tọa thiền, giảng kinh thuyết pháp. Nhưng chẳng bao lâu tín chủ đó đòi lại rồi đem cúng cho người khác, ngài vẫn bình thản dọn ra khỏi phòng không chút giận hờn. Như thế đủ chứng minh

hạnh nhân nhục của ngài thật sự là nhân nhục Ba-la-mật.

Năm hai mươi tuổi, ngài chứng quả A-la-hán. Tuy đã chứng quả nhưng sống trong chúng, ngài không thích phô trương mà chỉ lặng lẽ tu tập, lặng lẽ hoằng pháp nên được đức Phật Đặc biệt chọn vào hàng mười sáu vị La-hán lưu lại nhân gian.

Mấy trăm năm sau, vua Thiết-thường-ca nước Câu-thi-na-la không tin Phật pháp đến độ đập phá chùa chiền, thiêu kinh hủy tượng, số người xuất gia ngày càng giảm thiểu.

Hôm nọ, có một vị Hòa thượng già chống gậy ôm bát vào thành đến từng nhà khát thực. Nhưng cả thành chẳng ai để ý tới, khó khăn lắm ngài mới gặp được một gia đình tin Phật. Họ cung kính cúng cho ngài một bát cháo nóng. Sau khi hớp xong miếng cháo, ngài thở dài. Vị thí chủ thấy vậy liền hỏi:

- Thưa ngài! cháo không ngon sao?

- Ô không, thời Phật pháp suy vi mà có một bát cháo để ăn là tốt lắm rồi.

- Không phải thế, vậy sao ngài thở dài?

- À, tôi chợt nhớ lại thuở xưa, lúc đức Thế Tôn còn tại thế, tôi thường ôm bát theo Ngài đến đây.

Thời ấy, nhà nào cũng tin Phật, mọi người tranh nhau cúng dường, nhưng bây giờ thì khác hẳn, người tin Phật ngày càng ít, thật là chúng sanh phước mỏng nghiệp dày! – Vị Hòa thượng già không ngăn được nước mắt.

Người thí chủ thấy lạ hỏi:

- Thưa hòa thượng! Ngài nói chính mắt ngài thấy đức Phật và từng ôm bát theo Ngài sao?

- Đúng vậy!

- Xin hỏi ngài là ai?

- Này thí chủ, người có từng nghe nói La-hầu-la con của thái tử Tất-đạt-đa không?

- Dạ có nghe.

- Tôi chính là La-hầu-la. Suốt mấy trăm năm nay, tôi luôn dốc sức hoằng dương Phật pháp. – Nói xong, Hòa thượng biến mất.

Chuyện này được ngài Huyền Trang ghi lại trong tác phẩm nổi tiếng “Đại Đường Tây Vực ký”. Điều đó chứng tỏ việc ngài La-hầu-la lưu lại nhân gian là không chút ngụy biện.

12. NA-GIÀ-TÊ-NA

Tôn giả Na-già-tê-na là vị La-hán thứ mười hai trong mười sáu vị La-hán. Hiện tại, ngài đang cùng một ngàn hai trăm vị đệ tử trú tại núi Bán-độ-ba. Trong kinh, tên ngài được gọi tắt là Na-tiên.

Thật ra hai tên này chỉ là một nhưng do phiên âm khác nhau.

Tôn giả sinh ra và lớn lên ở phía bắc Ấn Độ, nhằm thời vua Di-lan cai trị. Vua Di-lan là người Hy Lạp rất thâm tín Phật pháp. Do đó, vua thường lui tới Na-tiên thỉnh vấn Phật pháp.

Là một người bác học đa văn, bản thân lại khắc khổ tu tập nên Tôn giả chứng quả A-la-hán rất sớm.

Có lần, vua Di-lan hỏi:

- Thưa tôn giả! Ngài là bậc thánh xuất gia chứng quả, vậy còn hàng Phật tử chúng tôi không xuất gia rốt cuộc có thể đắc quả A-la-hán không?

Na-tiên không do dự đáp:

- Đương nhiên là có thể. Bất kỳ người nào chỉ cần chịu hạ thủ công phu nghiên cứu nghĩa lý Phật pháp, tinh tấn tu hành trang nghiêm, lâu ngày đạo

hạnh ắt tự cao thâm, lúc đó lo gì mà không chứng quả!

- Thật không?- Vua bán tín bán nghi hỏi.

- Đương nhiên là thật!

- Nhưng theo trẫm biết thì sao các bậc A-la-hán hầu như toàn bộ đều là người xuất gia?

- À, vì người xuất gia tu hành ít bị các tạp niệm thế gian chi phối nên dễ thành tựu hơn.

Vua Di-lan nghe nói, đối với người lúc sắp lâm chung chỉ cần chí thành niệm Phật sẽ được vãng sanh cực lạc, không bị đọa địa ngục thì cảm thấy nghi ngờ nên nói:

- Trẫm không tin pháp môn niệm Phật.

- Nay đại vương! Giả sử có người lấy một viên đá ném xuống nước, viên đá sẽ nổi hay chìm?

- Đương nhiên sẽ chìm!

- Còn nếu đem viên đá thả trong thuyền thì đá nổi hay chìm?

- Vậy thì sẽ không chìm.

- Vì sao không chìm?

- Vì đã có thuyền chở!

- Thế thì đúng rồi, đức Phật A Di Đà từng phát đại nguyện làm thuyền từ cứu độ chúng sanh. Do đó, nếu chúng ta nhứt tâm niệm danh hiệu Ngài thì Ngài sẽ phóng quang tiếp dẫn về thế giới Tây phương cực lạc không còn bị trầm luân trong biển khổ.

- Ô, thì ra là vậy, trăm thật cảm phục ví dụ của ngài, nó đã giúp trăm hiểu được pháp môn niệm Phật thật thù thắng vi diệu, là chỗ dựa vững chắc không chút hư dối.

Cách mấy ngày sau, vua lại đến thăm Na-tiên và hỏi một vấn đề khác:

- Thưa tôn giả! Ngài chưa chứng Niết-bàn sao biết Niết-bàn là cảnh giới an lạc giải thoát.

- Tâu đại vương! Tuy tôi chưa chứng Niết-bàn nhưng chư Phật quá khứ đều nói Niết-bàn là cảnh giới an lạc giải thoát nên tôi biết.

- Điều đó liệu có đáng tin không?

- Đáng lắm chứ đại vương!

Tôi xin hỏi đại vương: chặt tay chân có đau không?

- Đương nhiên là đau!

- Đại vương! Từ trước tới giờ ngài chưa bị chặt tay chân sao biết chặt tay chân là đau?

- Vì trẫm thấy người bị chặt tay, chặt chân họ ngã nhào xuống đất kêu la rên xiết thống thiết nên trẫm biết.

- Cũng vậy đó, đại vương! Đức Phật là bậc đã thành Phật. Ngài nói Niết-bàn rất an lạc, tất nhiên là đáng tin lắm chứ.

Vua Di-lan cười liêu ngộ:

-Ồ, rất có lý!

Vua Di-lan rất cảm phục sự đa tài bác học của Na-tiên. Vì thế, họ nghiêm nhiên trở thành đôi bạn chí thân. Cuối cùng vua xin qui y làm đệ tử Na-tiên.

Vào một buổi chiều xuân ấm áp, hoa nở ngát hương, vua lại đến thỉnh giáo Na-tiên. Họ ngồi dưới gốc tùng đàm đạo với nhau rất vui vẻ tâm đầu ý hợp.

Vua hỏi:

- Thưa tôn giả, trẫm luôn thắc mắc không hiểu vì sao cũng là người mà có kẻ sống lâu, người chết yểu; kẻ đẹp, người xấu; kẻ giàu, người nghèo; kẻ thông minh, người ngu dốt?

- Tâu đại vương! Có gì lạ đâu. Ngài xem cũng là nho nhưng lại có trái ngọt, trái chua, trái to, trái nhỏ, trái tròn, trái méo, trái đen, trái hồng, nguyên nhân là do hạt giống khác nhau. Cũng vậy, con người vì chỗ tạo nghiệp lành dữ sai khác nên quả báo chiêu cảm không giống nhau.

- Tôn giả nói chí lý, khúc mắc của trăm tợ mây đen được gió cuốn trôi không còn lưu dấu. - Vua Di-lan vội rời tọa sụp lạy để tỏ niềm tôn kính.

Nội dung đàm luận Phật pháp giữa Na-tiên và vua Di-lan được người đời sau kết tập, viết thành quyển kinh gọi là “kinh Na-tiên tỳ-kheo”. Đây là vị La-hán duy nhất trong mười tám vị La-hán có kinh sách lưu truyền đến đời sau.

Nhờ sự chỉ dạy của Na-tiên mà cuối cùng vua Di-lan trở thành một quân vương anh minh, dốc lòng ủng hộ Phật pháp, khiến Phật giáo ngày càng huy hoàng rực rỡ.

Một hôm, Na-tiên nói với vua:

- Đại vương! Nay tôi muốn đi.

- Dạ đi đâu?

- Tôi muốn đến núi Bán-độ-ba.

- Sao ngài muốn đến đó?

- Khi đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài dạy tôi phải đến đó.

- Khi nào ngài đi?

- Bây giờ.

- Bây giờ ư ?

- Đúng vậy!

Nói xong, Na-tiên nhảy lên một ngọn núi cao rồi bay về hướng núi Bán-độ-ba.

13. NHÂN-YẾT-ĐÀ

Tôn giả Nhân-yết-đà là vị La-hán thứ mười ba trong mười sáu vị La-hán. Hiện tại, ngài cùng một ngàn ba trăm vị đệ tử trú trong núi Quảng Hiếp.

Tiền kiếp ngài là một con dơi sống trong hang núi. Một hôm, có đoàn lái buôn đi ngang qua núi, vì bên ngoài gió rét gào thét, tuyết bay đầy trời nên họ vào hang nhen lửa sưởi ấm.

Trong đoàn buôn này có một người thâm tín Phật pháp, dù ở trong hang núi nhưng vẫn gõ mõ tụng kinh, niệm Phật; âm thanh du dương trang nghiêm khiến dơi vô cùng thích thú.

Đêm càng khuya, khí trời càng lạnh, người lái buôn bỏ thêm nhiều củi vào để đủ ấm. Do đó, thoáng chốc củi khô hết sạch, ông ta đành ra ngoài chặt ít củi tươi mang vào để châm thêm lửa. Vì củi tươi khó cháy nên kết quả bốc lên một đám khói đen ngịt.

Dơi trong hang bị khói xông lên hít thở khó khăn, nhưng vì thích nghe tiếng tụng kinh nên không muốn bay đi. Cuối cùng, do hít quá nhiều khói nên dơi trúng độc chết ngay trong hang.

Sau khi chết, Nhân-yết-đào chuyển kiếp đầu thai làm người, được xuất gia tu hành theo Phật và chứng quả A-la-hán.

Có lần, có một người ở nước Ô-trượng-na muốn tạc tượng Bồ-tát Di Lặc, nhưng vì chưa từng thấy diện mạo của Bồ-tát nên chân chừ không dám làm.

Một hôm, ông ta lập một hương án trong vườn hoa chí thành cầu nguyện:

- Kính bạch chư hiền thánh! Con nghe nói khi đức Thế Tôn sắp niết-bàn, ngài đã phó chúc cho mười sáu vị La-hán vĩnh viễn lưu lại thế gian hoằng dương Phật pháp, sao giờ đây con muốn tạc tượng Bồ-tát Di Lặc mà không có vị nào đến giúp con?

Ông ta vừa nói xong, thì có một vị La-hán xuất hiện nói:

- Ta đến giúp ông đây!

- Thưa, ngài là ai?

- Ta là Nhân-yết-đào có ý đến đưa ông lên cõi trời Đâu suất để gặp Bò-tát Di Lặc.

Nhân-yết-đào đưa người này lên cung trời Đâu Suất để ông ta chiêm ngưỡng pháp tướng trang nghiêm của Bò-tát, trước sau cả thấy ba lần rồi biến mất.

Tượng Bò-tát Di Lặc này được bảo tồn tại Đạt-lê-la môn nước Ô-trượng-na. Nơi đây, trước kia là thủ đô của cả nước.

Sức ăn của Nhân-yết-đào rất mạnh. Nghe nói mỗi bữa, ngài ăn gấp ba lần voi mà vẫn không no. Khi ngài du hóa đến nước Thấp-di-la, vì không biết ngài là La-hán nên mọi người chế giễu:

- Mỗi ngày chỉ biết ăn, sống vậy có ích gì chứ?

Nghe vậy, ngài nói:

- Nay các vị, bởi kiếp trước tôi là một con dơi, kiếp trước nữa là một con voi, ưa ăn, biếng làm, do đó đời này ăn rất nhiều mà cũng không thấy no.

Mọi người cho rằng ngài nói khoác lác nên cười ò lên:

- Ha ha, chúng tôi không nghe ông bào chữa bậy đâu.

- Nếu các vị không tin thì cứ tự nghiệm đi, Phật pháp không bao giờ dối gạt ai cả. Hy vọng các vị luôn luôn làm một Phật tử chơn chánh.

Nói xong, ngài bay lên không trung dùng chơn hỏa tam muội thiêu thân; Xá-lợi ngũ sắc rơi xuống đôn dập. Lúc này, mọi người mới tin ngài là một vị đại A-la-hán.

A-la-hán là bậc bất sanh bất diệt, đến đi tự tại. Vì vậy, sau đó không lâu mọi người lại thấy ngài ở nước Kiếp-tỷ-tha theo đức Phật lên cung trời Đao-lợi thuyết pháp cho hoàng hậu Ma-da, ba tháng sau mới trở về.

14. PHẬT-NA-BÀ-TU

Phật-na-bà-tu là vị La-hán thứ mười bốn trong mười sáu vị La-hán. Hiện tại, ngài đang cùng một ngàn bốn trăm vị đệ tử trú tại núi Khả Trụ.

Có lần, đức Phật hàng phục con yêu long trong một cái đầm sâu ở nước Na-yết-la-hạt. Cảm phục ơn đức Phật, yêu long quỳ sát đất cung kính thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Bấy lâu nay con làm sóng, gió gây hại nhân dân, nay nhờ Thế Tôn dạy bảo, con

đã tỉnh ngộ. Con xin Thế Tôn lưu lại đây cho con được cúng dường, gần gũi dạy bảo con để con khỏi làm sóng gió gây hại nhân dân nữa.

Đức Phật dạy:

- Nay yêu long! Công việc hoằng pháp lợi sanh của ta còn chưa xong, không thể ở lại lâu được. Thế này vậy, ta sẽ cử năm vị đại A-la-hán thay nhau đến đây nhận đồ cúng dường của ông. Ông thấy thế nào?

Yêu long vui mừng khôn xiết hỏi:

- Dạ, là năm vị nào, thưa Thế Tôn?

- À, là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Nhân Kiệt Đà, Tô-tần-đà và Phạt-na-bà-tư.

- Dạ, thế thì tốt quá! Cảm ơn đức Thế Tôn.

Thế là năm vị đại A-la-hán này thay nhau đến đó tiếp nhận đồ cúng dường của yêu long và vị thứ năm, Phạt-na-bà-tư, chính là vị mà chúng ta đang nói.

Khi đến tiếp nhận cúng dường của yêu long, Phạt-na-bà-tư thường thích tọa thiền trên phiến đá lớn bên đầm, khi thì ngồi suốt tuần, lúc thì ngồi cả nửa tháng. Mãi đến nay, những di tích đó vẫn còn được lưu giữ.

Lúc đức Thế Tôn sắp niết-bàn, Ngài phó chúc cho Phật-na-bà-tư:

- Nay Phật-na-bà-tư! Sau khi ta diệt độ bốn trăm năm, tại nước Na-kiện-đà-la sẽ xuất hiện một vị vua tên Ca-nị-sắc-ca. Ban đầu, ông ta không tin Phật pháp, do đó ông phải dốc sức hóa độ để ông ta trở thành vị quân vương anh minh hộ trì Phật pháp.

Quả nhiên, đến công nguyên năm 128, vua Ca-nị-sắc-ca ra đời. Ông ta không chút tin Phật, làm nhiều việc sai trái phá hoại Phật giáo.

Một hôm, vua ra ngoài săn bắn, vì mãi lo đuổi bắt một con thỏ nên bị lạc đường. Trong rừng cây hoang vắng, lúc đang tìm lối ra, vua thấy một mục đồng đang dùng bùa nắn tháp Phật.

Vua hỏi:

- Người đang làm gì vậy?

Mục đồng đáp:

- Tôi đang thay vua làm tháp Phật.

Vua giật mình kinh sợ:

- Sao, thay ta làm tháp Phật ư ?

- Đúng vậy! Trước kia đức Thế Tôn từng nói bốn trăm năm sau vua sẽ xây tháp Phật ở đây. Hôm nay là lúc ngài tới nên tôi đến đây đợi ngài.

- Thật sao? Vậy người là ai?

- Tôi chính là Phật-na-bà-tư, đại đệ tử của Phật. Tôi đã đợi ngài đã bốn trăm năm nay, con thỏ trắng vừa rồi là do tôi biến ra đó.

Nói xong, mục đồng biến mất.

Từ đó, vua Ca-nị-sắc-ca chí thành tin Phật. Trong thời gian tại vị, vua tôn tạo rất nhiều tự viện, tháp Phật, tượng Phật, là một đại quân vương hoàng dương Phật pháp. Có được như thế không thể không kể đến thâm ơn giáo hóa của Phật-na-bà-tư.

15. A-THỊ-ĐA

Tôn giả A-thị-đa là vị La-hán thứ mười lăm trong mười sáu vị La-hán. Hiện tại, ngài đang trú trong núi Thửu Phong ở Ấn Độ. Núi Thửu Phong còn gọi là núi Linh Thửu, nơi đức Phật thường giảng kinh.

A-thị-đa là vị thị giả thường theo hầu bên cạnh đức Phật. Mọi người thường hiểu nhầm cho rằng ngài chính là Bồ-tát A-dật-đa. Thật ra không phải, A-dật-đa là Bồ-tát Di Lặc hay còn gọi là Bồ Đai hòa thượng, hai vị này khác nhau chỉ một chữ.

Ấn Độ thời đó, có một nước tên Đạt-ma-tát-thiết-đế nằm giáp sông Phược-sô¹ thủ đô là Hôn-đa-la. Nhân dân nước này không tin Phật pháp, họ chỉ thờ một số quỷ thần sông núi.

Có lần, thái tử mà vua yêu quý nhất ngã bệnh rất nặng. Vua cho mời danh y khắp nước về chữa trị mà cũng không thấy thuyên giảm. Do đó, vua đi thỉnh giáo những vị tu hành ngoại đạo và được họ trả lời: “Đại vương! Xin ngài chớ lo, bệnh của thái tử không cần uống thuốc, sớm muộn gì cũng sẽ khỏi thôi”.

Khi ấy, A-thị-đa vừa du hóa đến nước này. Ngài đã chứng quả từ mấy năm trước.

Một hôm, giữa đường đi, ngài gặp vua với vẻ mặt lo âu đang hồi hải ra ngoài tìm thuốc cho thái tử. Thấy vậy, ngài hỏi:

- Thưa đại vương! Tôi là đệ tử của đức Như lai tên là A-thị-đa. Ngài có gì muốn hỏi tôi không?

- Đệ tử Như lai? Tôi chưa từng nghe cũng không cần sự giúp đỡ của ông. – Vì trong lòng không vui, bình thường lại không tin Phật nên quốc vương lạnh nhạt đáp.

A-thị-đa khuyên:

- Thật không có chuyện gì sao? Xin ngài nói đi, chớ khách khí làm gì!

Quốc vương vốn đã thấy khó chịu, song nghĩ lại thôi cứ hỏi thử xem bệnh của con mình có thể qua khỏi không:

- Ông xem bệnh con ta có qua khỏi không?

A-thị-đa ưu tư nói:

- À, bệnh của thái tử hết hy vọng rồi, hãy mau niệm Phật cầu vãng sanh đi!

- Hừ, tên Hòa thượng điên này chưa súc miệng hay sao mà nói những lời không tốt như vậy hả! – Quốc vương tức giận bỏ đi thẳng một mạch.

Một tuần sau, thái tử chết thật. Vua tạm thời không tổ chức tang lễ, cả tin thái tử mất cũng không tiết lộ ra ngoài.

Ngày thứ hai, vua đi tìm A-thị-đa. Thấy vua, A-thị-đa nói với giọng cảm thông:

- Đại vương, xin chớ quá bi thương.

Quốc vương giả vờ không biết.

-Ta bi thương chuyện gì?

- Đại vương chớ giấu, hôm qua thái tử đã mất, người mất thì không thể sống lại chỉ nên thường xuyên niệm Phật để cầu được vãng sanh!

- Ôi, Ngài thật là thần cơ diệu toán! – Quốc vương cảm phục A-thị-đa đã biết trước mọi việc.

Sau đó, vua tức tốc đi tìm bọn ngoại đạo. Thấy vua đến, bọn chúng chúc mừng:

- Chúc mừng, chúc mừng đại vương!

- Chúc mừng ta chuyện gì?

- Đại vương không cần nói chúng tôi cũng đã biết rồi.

- Biết gì?

- Biết bệnh của thái tử đã khỏi!

- Hừ, bọn ngoại đạo đáng ghét, bản thân bất tài vô học, lại chuyên môn đi buôn thần bán thánh, gạt dân hại người.

Càng nói vua càng tức giận liền hạ lệnh:

- Bắt hết bọn chúng, rồi phá sạch tất cả thần miếu của chúng cho ta.

Xong chuyện, vua vội quay về chỗ ngài A-thị-đa xin sám hối.

- Thưa tôn giả, bậc Sa-môn đáng kính! Ngài mới là vị đạo sư mà trăm cần quy ngưỡng, tôn kính, thỉnh giáo, lễ bái.

Nhờ những khởi xướng hoằng dương Phật pháp của A-thị-đa mà Phật giáo được thịnh hành ở nước Đạt-ma-tất-thiết-đế.

Đã hơn hai ngàn năm rồi nhưng tại Ấn Độ vẫn còn có người nhìn thấy Tôn giả trị bệnh cho mọi người, có người thấy ngài tọa thiền trên núi Thánh Mẫu.

¹ Sông Phược Sô: Một trong bốn con sông lớn xuất phát từ hồ A Nậu Đạt phía bắc núi Tuyết và phía nam núi Hương Túy.

Phần 4: (16-20)

16. CHÚ-TRÀ-BÁN-THÁC-CA

Tôn giả Chú-trà-bán-thác-ca là vị La-hán cuối cùng trong mười sáu vị La-hán. Hiện tại, ngài cùng một ngàn sáu trăm vị đệ tử trú tại núi Trì Trục. Tên vị La-hán này rất lạ bởi dịch tiếng Hán là Lộ Biên

Sanh (sinh bên đường). Trong kinh A Di Đà tên ngài là Châu-lợi-bàn-đà-già. Đây chỉ do dịch âm không đồng mà thôi. Vì tên này tương đối quen thuộc với mọi người hơn nên chúng ta gọi ngài là Châu-lợi-bàn-đà-già.

Hơn hai ngàn năm trăm năm trước, theo phong tục Ấn Độ đương thời, người phụ nữ mang thai sắp đến ngày “mãn nguyệt khai hoa” đều phải về lại nhà mẹ mình để sanh. Có một sự trùng hợp đặc biệt là Châu-lợi-bàn-đà-già và anh ngài đều sanh giữa đường lúc mẹ chưa kịp về đến nhà ngoại. Do đó, người đời sau gọi ngài là Tiểu Lộ Biên Sanh (sinh bên đường nhỏ) và gọi anh Ngài là Đại Lộ Biên Sanh (sinh bên đường lớn).

Anh Ngài tên Bán-thác-ca tư chất thông minh, xuất gia theo Phật rất sớm, đạt nhiều thành tựu trong tu tập. Lớn lên, ngài cũng theo anh xuất gia. Mặc dù đã xuất gia nhưng ngài tối dạ không ai bằng, trí nhớ kém, thường mặc đồ trái, mang dép trái, sư phụ bảo đi lấy kinh thì ngài lại đi lấy mõ.

- Đồ ngốc!

- Đồ ngu! – Ngài thường bị chúng điệu mắng.

Bán-thác-ca thấy em mình ngu như thế, trong lòng rất cảm thông muốn giúp đỡ nhưng cũng không biết làm cách nào hơn.

Nhiều năm trôi qua vậy mà chỉ một danh hiệu Phật, ngài niệm không xong, một câu kinh cũng nhớ không nổi. Thậm chí khi đại chúng ngồi thiền, cả đến ngồi xếp bằng, ngài làm cũng không được.

Một hôm, Bán-thác-ca chịu không được nữa bảo:

- Em à! Em quả thật quá ngu. Tu tập ngoài ý chí nghị lực còn cần có trí tuệ thông minh mãi tiếp. Em đã khờ khạo thế này thì dứt khoát nên về nhà cuốc đất làm ruộng, trồng dâu nuôi tằm đi, chứ theo Phật mà như thế này chỉ uổng phí công phu, sẽ không có kết quả.

- Thưa anh, em không muốn xa đức Thế Tôn, em cũng không muốn xa anh, xin cho em tiếp tục ở đây đi. – Châu-lợi-bàn-đà-già khẩn khoản xin.

- Không được! Em ở đây chỉ gây nhiều phiền phức cho mọi người. Em không biết tụng kinh, không biết tọa thiền, không biết niệm Phật, em nên về nhà đi! – Bán-thác-ca vẫn không đồng ý.

Thấy anh kiên quyết không chấp thuận, ngài vô cùng đau khổ. Tuy không muốn về nhưng lại không dám trái lời anh nên ngài đành phải thu dọn đồ đạc rời vườn Kỳ thọ Cấp-cô-độc, nơi chúng Tăng ở và cũng là nơi đức Phật thường giảng kinh thuyết pháp.

Rời khỏi vườn, Châu-lợi-bàn-đà-già vừa đi vừa khóc. Khóc xong, ngài đến ngồi dưới gốc cây Bồ-đề suy tư tự hỏi:

- Sao mình lại ngu thế này? Sao mình không thông minh như anh nhỉ? Mình không nên xa đức Thế Tôn, mình không nên về nhà. – Nghĩ đến cảnh bị đuổi về, ngài tủi thân òa khóc sụt sướt.

Sự tình lúc đó may sao gặp đức Phật ra ngoài vừa về. Nghe trong rừng có người đang khóc, ngài bảo một vị đệ tử đến đó xem thử là ai.

- Bạch đức Thế Tôn! Người đang khóc là Châu-lợi-bàn-đà-già.

- Đến gọi ông ấy tới đây. - Đức Phật ôn tồn bảo.

Châu-lợi-bàn-đà-già đến bên Phật như đứa trẻ thơ được về bên cha. Khi ấy, những uẩn khúc trong lòng chợt hiện lên, ngài lại khóc nức nở.

- Có chuyện gì buồn vậy? Nói cho ta nghe được không? – Đức Phật hỏi.

- Dạ, bạch Thế Tôn! Anh con đuổi con về, không cho con ở đây tu học nữa... - Châu-lợi-bàn-đà-già vừa nói vừa khóc.

- Sao vậy?

- Dạ vì con quá ngu, ngay cả áo mặc cũng không nên, một câu kinh cũng thuộc không nổi. – Châu-lợi-bàn-đà-già u buồn thưa.

- À, ra là vậy. – Đức Phật cười rồi an ủi:

- Châu-lợi-bàn-đà-già này! Thật ra ông đâu có ngu chút nào đâu!

- Dạ, thật sao? – Nghe đức Phật nói mình không ngu, Châu-lợi-bàn-đà-già thấy vui hẳn lên.

- Đương nhiên là thật rồi. – Đức Phật nói nghiêm nghị, nét mặt không chút trêu đùa khiến Châu-lợi-bàn-đà-già thấy rất an ủi.

Đức Phật từ ái nói tiếp:

- Vậy là được rồi. Này Châu-lợi-bàn-đà-già! Tạm thời ông cứ ở lại đây, sau này ta sẽ đích thân đến dạy ông tu tập!

- Cảm ơn đức Thế Tôn! Cảm ơn đức Thế Tôn! - Châu-lợi-bàn-đà-già vội sụp lạy đức Phật, bày tỏ niềm biết ơn vô hạn.

Ngày đầu đến dạy, đức Phật cầm theo một cây chổi, hỏi Châu-lợi-bàn-đà-già:

- Này Châu-lợi-bàn-đà-già, ông biết đây là cái gì không?

- Dạ đây là... là... - Không ngờ ngay cả chổi mà ngài nói cũng không ra, còn luống cuống đến toát mồ hôi trán.

- Đừng vội, Châu-lợi-bàn-đà-già, đây là cây chổi, ông nói lại xem thử được không? - Đức Phật an ủi.

- Cây... cây...- Châu-lợi-bàn-đà-già chỉ đọc được chữ đầu.

- Cây chổi!- Đức Phật nhắc lại.

- Là... chổi... chổi...- Lần này thì ngài lại quên chữ đầu.

- Đừng hấp tấp, ghép hai chữ cây và chổi lại rồi đọc cây chổi, cây chổi, ông đọc thử xem.

- Cây... chổi... cây... chổi, cây chổi cây chổi.

- Đúng rồi, ông đọc đúng rồi, sau này phải nhớ đây là cây chổi. – Đức Phật thấy mừng cho Châu-lợi-bàn-đà-già.

Khích lệ ngài mấy câu xong, đức Phật hỏi tiếp:

- Cây chổi dùng làm gì ông biết không?

- Dạ dùng để quét rác! – Châu-lợi-bàn-đà-già cẩn thận đáp nhưng tiếng rất nhỏ vì ngài sợ sai.

- Hay lắm, Châu-lợi-bàn-đà-già! Ta đã nói là ông chẳng hề ngu chút nào mà! Sau này, ông khỏi phải tụng kinh, ngồi thiền, mỗi ngày chỉ cần cầm chổi quét vườn cho sạch là được rồi. – Đức Phật tấm tắc khen và giao công tác cho ngài.

Nghe đức Thế Tôn khen, còn nói mình không ngu, Châu-lợi-bàn-đà-già vui mừng khôn xiết, tin tâm đã mất cũng được khôi phục lại.

Trước kia, Bán-thác-ca tuy thường đích thân dạy ngài nhưng nội dung giảng quá cao siêu phức tạp, nghĩa lý lại thâm áo, do đó, ngài nghe không hiểu, dù có tâm tha thiết muốn học đi nữa cũng không thể nào học vô. Còn lần này, đức Phật đích thân đến dạy, ngài chỉ yêu cầu nhớ hai chữ “cây chổi” và hiểu công dụng của nó dùng để quét rác là được rồi.

- Thì ra câu học đâu có khó! – Châu-lợi-bàn-đà-già tự nhủ.

Lần thứ hai vào học, đức Phật hỏi lại:

- Nay Châu-lợi-bàn-đà-già, dùng chổi có thể quét sạch rác được không?

- Dạ được, bạch Thế Tôn. – Châu-lợi-bàn-đà-già trả lời rất chắc chắn vì công việc mỗi ngày của ngài làm là quét dọn.

- Châu-lợi-bàn-đà-già này! Ông có biết trong tâm chúng ta cũng có rất nhiều thứ cấu bần không? – Đức Phật hỏi.

- Thứ gì nhỉ?- Châu-lợi-bàn-đà-già không rõ, ngài nghĩ đi nghĩ lại, một lát sau mới nói:

- Bạch Thế Tôn! Dạ có phải tham, sân, si, mạn, nghi, phân hận, tật đố... khiến tâm chúng ta bất an không?

- Đúng rồi! Ông trả lời rất tốt, những thứ đó giống như bụi trần làm ô nhiễm bản tâm vốn thanh tịnh sáng suốt của chúng ta. – Đức Phật kiên nhẫn giảng dạy.

- Dạ, sao không trừ bỏ chúng? – Châu-lợi-bàn-đà-già hỏi.

Đức Phật dạy:

- Mục đích của ta chính là muốn dạy ông phương pháp trừ bỏ chúng. Này Châu-lợi-bàn-đà-già! Dùng chổi có thể quét sạch những thứ cấu bần trên đất, cũng vậy, nếu như ông biết dùng “cây chổi Phật pháp” để quét sạch những uế trược trong tâm thì một ngày kia tâm ông cũng sẽ sáng suốt thanh tịnh như gương sáng.

Biện tài của đức Phật thật hiếm thấy ở đời, ví dụ ngài nêu vừa rõ ràng đơn giản vừa thiết thực gần gũi với cuộc sống nên người khác nghe rất dễ hiểu.

- À, bạch đức Thế Tôn! Con hiểu ý Ngài rồi, có phải Ngài muốn dạy con trong công việc quét dọn không nên chỉ quét rác suông mà phải luôn chánh niệm tỉnh giác tịnh hóa nội tâm nữa phải không?

Sau khi được đức Phật tận tình chỉ dạy, thoáng chốc Châu-lợi-bàn-đà-già thông minh hẳn lên.

- Đúng vậy, Châu-lợi-bàn-đà-già! Đó chính là lý do ta bảo ông quét rác, chỉ cần ông kiên tâm trì chí, dụng tâm nỗ lực tinh tấn thì có ngày ông sẽ ngẩng đầu lên theo kịp với chúng bạn, không còn bị người khác chê cười khinh khi. – Đức Phật tiếp tục khích lệ.

Từ đó, Châu-lợi-bàn-đà-già dốc sức chuyên tâm tu tập theo pháp môn quét rác – quét vườn Kỳ thọ Cấp-cô-độc. Bất kể gió mưa nóng lạnh, ngày nào ngài cũng làm việc rất siêng năng. Thật là ông trời không phụ người khổ công, cuối cùng ngài cũng chứng quả A-la-hán. Câu chuyện của Tôn giả Châu-lợi-bàn-đà-già chứng tỏ câu “cần cù bù thông minh” thật chẳng ngoa chút nào.

Vốn là một người ngu đần ngốc nghếch ai trông cũng thấy chán, ngay cả cây chổi cũng không biết.

Thế mà dưới sự chỉ dạy của đức Phật, dựa vào ý chí nghị lực và lòng kiên trì, Tôn giả đã khắc phục cái ngu bần sinh, trở thành vị đại đệ tử, được đức Phật chọn vào trong số mười sáu vị La-hán lưu lại thế gian hoằng dương Phật pháp.

17. NAN-ĐỀ-MẬT-ĐA-LA

“Nan-đề-mật-đa-la”, Trung Quốc dịch là Khánh Hữu. Ngài ra đời sau đức Phật diệt độ tám trăm năm.

Tôn giả trú tại thủ đô nước Sư Tử (tức Tích Lan ngày nay). Toàn nước Sư Tử thời đó không ai không biết ngài là bậc đại A-la-hán.

Mười sáu hoặc mười tám vị La-hán được tôn thờ trong các tự viện Phật giáo ở Trung Quốc là đều do ngài giới thiệu. Ở phần “Xuất xứ mười sáu vị La-hán”, chúng tôi đã trình bày rõ ràng rồi. Nhờ Nan-đề-mật-đa-la nói “Pháp trụ ký” mà chúng ta mới biết được danh tánh và trú xứ của mười sáu vị La-hán lưu lại nhân gian. Người đời vì thương nhớ ngài nên đưa ngài vào hàng mười tám vị La-hán.

Nan-đề-mật-đa-la thần thông quảng đại. Sau khi nói “Pháp trụ ký” xong, vì muốn cho mọi người thâm tín không còn nghi ngờ việc mười sáu vị La-hán lưu lại nhân gian nên ngài liền vận thần thông bay lên hư không hóa hiện vô số thần tích bất khả tư

ngồi ngay trước mặt mọi người. Ai nấy cũng đều trầm trồ, khen ngợi:

- A, Mâu nhiệm quá!

- Ôi, Tôn giả đúng thật là thần thông quảng đại!

- Một bậc đạo hạnh cao thâm, pháp thuật vô biên như thế thì lời của ngài nói chắc chắn không sai.

Hiện thị thần thông xong, ngay trên không trung, Nan-đề-mật-đa-la dùng chơn hỏa tam muội thiêu thân, Xá-lợi ngũ sắc rơi xuống đôn dập như mưa, mọi người tranh nhau lượm mang về nhà tôn thờ cúng dường.

Tuy đã thiêu thân nhưng Nan-đề-mật-đa-la không rời nước Sư Tử. Ngài chỉ bay đến một động đá trên núi để tọa thiền. Thời gian trôi qua thoáng chốc mà ngài ngồi đó đã hơn bốn trăm năm. Khi ấy, đúng vào thời vương triều Quý-sương do vua Ca-nị-sắc-ca thống trị ở bắc Ấn Độ.

Khi xuất định, vì muốn điều hòa huyết mạch thân thể sau bao năm ngồi bất động, Ngài ôm bát xuống núi vào thành khát thực.

- Ôi! Sao lạ vậy, sao phổ xá lại lạ thế này? Để ta tính xem rốt cuộc là thế nào. – Nan-đề-mật-đa-la lẩm bẫm.

Nói rồi, Ngài đưa tay tính một hồi, bỗng nhiên cười ồ lên:

- Ha ha, thì ra ta ngồi đây đã hơn bốn trăm năm rồi, thảo nào một số đường ta không còn nhớ.

Chuyện Tôn giả Nan-đề-mật-đa-la tiếp tục lưu lại thế gian hiện còn ghi trong “Lịch sử Phật giáo Ấn Độ”. Đây là tác phẩm do vị Cao tăng nổi tiếng Tháp Lạt Na Tháp viết, hoàn toàn không chút hư dối.

Từ đó, Nan-đề-mật-đa-la thường xuất hiện khắp nơi, khi thì trì bát, lúc thì giảng kinh, khi thì cỡi voi, lúc thì cỡi mây. Thế nên, mãi đến nay, mọi người vẫn còn tin rằng Tôn giả vĩnh viễn không rời thế gian mà luôn luôn cùng mười sáu vị La-hán kia tiếp tục lưu lại thế gian hoằng pháp độ sanh.

18. CA-DIỆP

Tôn giả Ca-diếp sống cùng thời với Phật, là người nước Ma-kiệt-đà tại Ấn Độ. Ngài được người đời sau đưa vào hàng mười tám vị La-hán.

“Ca-diếp”, Trung Quốc dịch là Âm Quang, vì thân ngài có thể phát ra ánh sáng. Bất luận đi đến đâu, trên thân ngài luôn phát ra ánh sáng rực rỡ trang nghiêm. Âm Quang hoàn toàn không phải là uống ánh sáng mà ý nói ánh sáng phát ra trên thân ngài thù thắng hơn ánh sáng trên thân người khác. Khi mọi

người đứng trước ngài, ánh sáng ấy thường làm cho ánh sáng sáng trên thân họ tự nhiên trở nên u ám thất sắc. Vì sao thân ngài phát ra được ánh sáng? Câu chuyện tương truyền như vậy:

Thuở quá khứ, ngài từng làm người thợ vàng, tuy nhà nghèo nhưng rất thâm tín Phật pháp.

Có lần, ngài đem hiến một miếng vàng nhỏ, số vàng duy nhất mà ngài dành dụm được, để trang sức một bức tượng Phật, mọi người nhìn vào ai cũng khen rất đẹp. Nhờ công đức ấy nên đời này sanh làm người, thân ngài phát ra ánh sáng thù thắng hơn người khác.

Lúc đầu, cha mẹ đặt tên cho ngài là Tất-bát-la-da, Trung Quốc dịch là “Thọ Hạ Sanh” (sanh dưới cây).

Vào tháng nọ, khi Ca-diếp sắp ra đời, một hôm mẹ ngài đang ngồi hóng mát dưới gốc cây đại thọ thì bỗng nhiên từ trên trời bay xuống một tấm thiên y rất đẹp, che phủ cả thân cây. Liên khi ấy, ngài cất tiếng chào đời.

Gia đình Ca-diếp rất giàu. Có người nói tài sản của họ còn nhiều hơn cả vua. Vì là con một nên song thân ngài luôn khuyên ngài sớm lập gia thất. Nhưng ý ngài lại muốn xuất gia học đạo.

- Con à, con nên sớm lập gia đình đi! – Hầu như ngày nào ngài cũng nghe cha mẹ nói như vậy.

Không nỡ trái ý cha mẹ, Ca-diếp đành nghĩ ra một kế, một mặt vừa an ủi cha mẹ, mặt khác để tránh việc kết hôn. Ngài cho người dùng vàng đúc tượng một mỹ nhân, rồi thừa vói song thân.

- Thừa cha mẹ, không phải con không muốn kết hôn, chỉ vì tìm chưa ra người con gái nào xứng với tượng mỹ nhân này. Nếu như có người nào đẹp như vậy thì con bằng lòng lấy người ấy.

Vốn thương con tha thiết nên cha mẹ ngài lập tức sai người hầu trong nhà dùng xe chở tượng mỹ nhân đi khắp nơi trong cả nước, tuyên bố trước hàng vạn người náo nức đến xem:

- Các chị em gái chưa chồng, mau đến đây chiêm ngưỡng lễ bái mỹ nhân vàng, các cô sẽ có niềm vui bất ngờ.

Người hầu chở tượng mỹ nhân xuất phát từ thành Vương-xá vượt qua sông Hằng thẳng đến thành Tỳ-xá-ly phía bắc Ấn Độ.

Trong thôn Ca Tỳ Ca thành Tỳ-xá-ly có một cô gái tên Diệu Hiền quốc sắc thiên hương, hoa nhường nguyệt thẹn. Diệu Hiền nghe nói trong thôn vừa có

người chở đến một tượng mỹ nhân bằng vàng, trong lòng hiếu kỳ, sẵn có bạn rủ nên cô cũng đến đó xem.

Khi đứng trước mặt tượng mỹ nhân, Diệu Hiền tợ như hoa, như ngọc. Một chuyện lạ xảy ra là nhan sắc của tượng mỹ nhân vàng kia bỗng nhạt dần, ánh sáng thường ngày biến mất.

- Cô nương, xin dừng bước... Người hầu thấy cảnh đó vừa vui vừa sợ, liền hỏi rõ tên và chỗ ở của Diệu Hiền.

Nghe được tin, cha mẹ ngài tức tốc đi cả ngày đêm đến dạm hỏi cho ngài. Do hai nhà đều môn đăng hộ đối nên hôn sự chỉ nói sơ qua là thành.

Sau buổi hôn lễ chiều hôm nọ, khách khứa về hết, gian phòng chỉ còn lại Ca-diếp và Diệu Hiền. Hai người ngồi đối diện nhau, ai cũng tâm sự trùng trùng, dáng vẻ sầu muộn không vui. Gần sáng, Ca-diếp chịu không được cất tiếng hỏi:

- Xin hỏi, vì sao em không vui?

Diệu Hiền nức nở khóc:

- Ôi, ước mơ của em đã tan thành mây khói rồi!

- Ước mơ gì?

- Em muốn xuất gia học đạo, nhưng bây giờ...

- Thật sao? – Không đợi Diệu Hiền nói hết, Ca-diếp cao hứng tiếp lời: Em muốn xuất gia học đạo sao? Hay quá, tôi cũng có tâm nguyện ấy.

Vì chí nguyện giống nhau nên sau mười mấy năm chung sống, Ca-diếp và Diệu Hiền đều xuất gia quy y Phật và lần lượt đắc quả A-la-hán.

Ca-diếp là vị Đầu đà đệ nhất, tu khổ hạnh danh chấn tôn phong trong hàng đệ tử Phật. Ngài không thích ở trong tịnh thất. Mỗi ngày ngoài thuyết pháp trì bát, Ngài thường tọa thiền dưới gốc cây hoặc ngoài đồng trống mặc cho gió táp mưa sa, nóng lạnh dãi dầu ngài luôn giữ như vậy.

Khi về già, Ca-diếp vẫn giữ lối tu khổ hạnh ấy. Một hôm, không nỡ nhìn thấy cảnh tuổi già sức yếu mà cứ đêm ngày dãi nắng dầm sương, đức Phật cho người gọi ngài đến bảo:

- Nào, Ca-diếp đến đây ngồi với ta. Sau này không nên khổ hạnh vất vả như thế nữa. Ông đã phụng sự quá nhiều cho Phật pháp rồi, giờ hãy tịnh dưỡng để mọi người tôn kính cúng dường.

Ca-diếp khiêm hạ chấp tay cung kính thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Bản thân con không thấy có gì vất vả cả. Con nghĩ làm một bậc trượng phu xuất trần đại sĩ cần phải sống một đời thanh bần, giản dị,

mộc mạc, nếu không thì chí nguyện thú hương Niết-bàn giác ngộ giải thoát sao thành tựu được!

Nghe vậy, đức Phật càng quý trọng Ca-diếp bội phần. Một hôm, giảng kinh trên hội Linh Sơn, đức Phật không nói lời nào chỉ cầm một đóa sen đưa lên rồi im lặng nhìn đại chúng. Khi ấy, cả pháp hội không ai hiểu được tôn ý của Phật, chỉ có Ca-diếp nhìn Phật mỉm cười liễu ngộ (ý nói: Bạch đức Thế Tôn! Con đã hiểu tôn ý của Ngài. Ngài muốn đem giáo pháp vi diệu của Thiên tông trao cho con và bảo con tiếp tục lưu truyền đến đời sau).

Thấy Ca-diếp liễu ngộ diệu lý, đức Phật vui mừng bảo:

- Lành thay, này Ca-diếp! Nay ta đem chánh pháp nhãn tạng vi diệu của Thiên tông trao cho ông. Ông phải dốc sức xiển dương để Phật pháp được huy hoàng rực rỡ!

Và như vậy, Ca-diếp trở thành vị tổ sư khai sáng Thiên tông Phật giáo.

Lúc đức Phật Niết-bàn ở thành Câu-thi-na-ca-la, chư đệ tử như rơi vào cảnh bầy ong mất chúa, không người lãnh đạo.

Khi đó, Ca-diếp đang giáo hóa ở nước Đạc-xoa-na-xa. Nghe tin Phật diệt độ, ngài tức tốc lên đường trở về bảo với mọi người:

- Các vị! Xin chớ quá bi thương, muốn báo ơn Phật sau này chúng ta cần phải đoàn kết hòa hợp. Điều quan trọng trước mắt chúng ta là nghĩ cách làm sao đem thánh giáo một đời của đức Thế Tôn đã thuyết kết tập, chỉnh lý lại để bảo tồn đến đời sau.

Chín mươi ngày sau khi đức Phật niết-bàn, Ca-diếp chủ trì cuộc đại kết tập Tam tạng thánh điển lịch sử tại thạch động nổi tiếng Tất-ba-la-diên. Ngày nay, chúng ta còn được xem Tam tạng giáo lý vĩ đại Kinh, Luật, Luận, thật sự không thể không cảm tạ ơn đức cao dày khó nhọc của ngài.

Đức Phật diệt độ, Ca-diếp lên thay Phật lãnh đạo Tăng đoàn. Ngài tiếp tục nỗ lực trong suốt gần ba mươi năm, khi ấy ngài đã hơn một trăm tuổi.

Thấy Phật giáo đã hưng thịnh, tiền đồ rực rỡ huy hoàng, ngài đến chỗ Tôn giả A-nan bảo:

- Này A-nan! Sau này ông là vị tổ thứ hai của Thiên tông, trách nhiệm hoằng dương chánh pháp sẽ do ông gánh vác.

A-nan hỏi:

- Thế còn ngài?

Ca-diếp cười đáp:

- Tạm thời tôi đến núi Kê-túc tọa thiền, tự mình muốn tinh tấn tu tập thêm.

Cáo biệt A-nan xong, ngài vận thần thông bay lên không, đến tám ngôi bảo tháp thờ Xá-lợi của Phật, mỗi tháp đánh lễ cúng dường một lần để bái biệt.

Đánh lễ tháp Phật xong, ngài mang y bát lúc sanh tiền của Phật một mình đi về hướng núi Kê-túc, phía tây nam thành Vương-xá. Khi đến nơi, ba ngọn núi hình móng gà bỗng mở ra, giữa khoảng trống xuất hiện một bàn thạch, ngài nhẹ nhàng bước vào. Lúc ấy, hoa trời tung rơi ba ngọn núi tự nhiên khép lại.

Ca-diếp muốn tọa thiền ở đó đợi đến năm mươi sáu ức năm sau, khi đức Phật Di Lặc hạ sanh, ngài sẽ trở ra tiếp tục phụng sự Phật pháp.

Trước đây không lâu, ở Pháp có vị học giả bác sĩ Bách-cách-sâm (Bergson) đến Ấn Độ chiêm bái Thánh địa. Khi lên núi Kê-túc, ông còn tận mắt thấy Tôn giả Ca-diếp, đồng thời thỉnh vấn và qui y với ngài.

Điều đó cho thấy, Tôn giả Ca-diếp vẫn còn lưu lại nhân gian hoằng dương Phật pháp.

19. QUÂN-ĐỒ-BA-THÁN

Tôn giả Quân-đồ-ba-thán là vị đại A-la-hán sống cùng thời với Phật khi Ngài còn tại thế.

Lúc tám mươi tuổi, đức Phật bảo Ca-diếp:

- Này Ca-diếp! Ta nay tuổi cao sức yếu, công việc hoằng pháp độ sanh ở đời cũng sắp kết thúc. Sau khi ta diệt độ, ông, La-hầu-la, Tân-đầu-lô và Quân-đồ-ba-thán hãy tạm thời lưu lại nhân gian tiếp tục gánh vác trách nhiệm hoằng dương chánh pháp để Phật pháp được thịnh hành ở thế gian.

Vì vậy mà người đời sau đưa ngài vào hàng mười tám vị La-hán.

Sau khi xuất gia, vì không chịu tinh tấn tu tập nên Quân-đồ-ba-thán ngộ đạo hơi muộn. Một hôm, có vị thí chủ tên Tu-ma-già-đà thỉnh đức Phật cùng chúng đại đệ tử đến nhà thọ trai. Quân-đồ-ba-thán cũng có trong danh sách được thỉnh. Nhưng lần đó, Tu-ma-già-đà chỉ thỉnh các bậc A-la-hán ngộ đạo, trong khi Quân-đồ-ba-thán vẫn còn là một phàm phu chưa chứng quả.

- Xấu hổ quá! Ngay cả Sa-mật tám tuổi cũng chứng quả, còn ta tu hành lâu nay lại không chút thành tựu (Sa-mật là tên một vị Sa-di). Quân-đồ-ba-thán nghĩ mình thua cả một đứa trẻ nên trong lòng áy náy khó chịu.

- Ngày mai mình sẽ không tham dự. – Quân-đồ-ba-thán dặn lòng, song ngài lại dẫn đo:

- Nhưng, vắng mặt mình, mọi người không phải sẽ càng cười cho rằng mình nhất gan sao? – Quân-đồ-ba-thán phân vân khó xử.

Tối đến, ngài tọa thiền một mình trầm tư quán xét tìm nguyên nhân vì sao mình không chứng quả. Nhờ chú tâm quán tưởng, chuyên nhất phản tỉnh, cuối cùng ngài hoá nhiên đại ngộ.

Ngày thứ hai, ngài vui vẻ nhận lời thỉnh mà không còn thấy áy náy bất an.

Tin ngài chứng quả thoáng chốc đã truyền khắp nước Ấn Độ, rất nhiều người đến chúc mừng, song vẫn còn một số người không tin.

Có người thị phi sau lưng:

- Hừ! Nhất định là lừa bịp, trông dáng vẻ ông ta chẳng giống La-hán chút nào.

Có người mỉa mai:

- Nói phải lắm! Nếu như ông ta mà chứng quả thì chắc tôi thành Phật sớm rồi.

Tuy nghe những lời đàm tiếu thị phi đó, nhưng Quân-đồ-ba-thán vẫn không chút tức giận, cũng chẳng quan tâm đến lời của những kẻ vô công rồi nghề. Ngài chỉ nhìn lại công hạnh tu tập của mình. Thế mà, bọn người thích gây sự vẫn không chịu buông tha ngài. Họ bàn kế hoạch bắt bí ngài trước mặt mọi người, rồi nhân đó vạch trần cái mà họ cho là ngài bày trò lừa bịp giả trang chứng quả.

Trưa hôm nọ, khí trời nóng bức, Quân-đồ-ba-thán vừa khát thực được một ít thức ăn tại một gia đình, đang định mang về thọ trai thì có một tên theo gây khó dễ. Hắn chạy như bay đến trước giật lấy cái bát trên tay ngài, rồi đem treo lên một cây đại thọ rất xa.

Treo xong, hắn cười khoái chí bảo:

- Đại A-la-hán, tới lấy đi!

Mọi người xung quanh chế giễu:

- Đại A-la-hán, hãy biểu diễn một chút thần thông biến hoá của ông để chúng tôi xem cho vui đi nào!

Quân-đồ-ba-thán vẫn đứng yên lặng một chỗ mỉm cười từ ái không để ý đến họ.

Bọn họ lại la ó lên:

- Các vị! Quân-đồ-ba-thán chẳng có chứng quả chứng quyết gì cả, ông ta chỉ là một gã lừa bịp.

Có người to tiếng:

- Các vị! A-la-hán thật sự bản lĩnh rất cao cường, không cần đi đến đó cũng có thể lấy được bát, nhưng ông ta có làm được đâu!

Lúc này, Quân-đồ-ba-thán cười to lên một tiếng rồi duỗi tay phải ra đến tận cây thu bát về.

- Ôi! Hay quá, hay quá!

- Quân-đồ-ba-thán lợi hại thật, ông ta đúng là La-hán đấy! – Mọi người vỗ tay hoan hô, hết lời ca ngợi

Song, Quân-đồ-ba-thán vẫn không chút đặc ý. ngài biết về tinh xá chắc chắn sẽ bị đức Phật quở trách.

Quả như vậy, sau khi trở về, ngài bị đức Phật quở:

- Này Quân-đồ-ba-thán! Trước mặt mọi người mà phô diễn thần thông là không tốt. Vì sao? Vì họ ít thấy nên lấy làm lạ, rất dễ sanh đa nghi, vả lại sẽ làm nhiều loạn lòng người, gây rối an ninh xã hội. Song, hiện tại ông đã biểu diễn cho họ thấy rồi, giờ đây trong mắt mọi người ông là một vị đại tiên. Do đó, sau khi ta diệt độ, ông phải tiếp tục lưu lại nhân gian thay ta hoằng dương chánh pháp.

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Thế là Quân-đồ-ba-thán vĩnh viễn lưu lại nhân gian, luôn gần gũi lân mẫn quanh chúng ta, thâm hộ niệm chúng ta tu tập.

20. ĐẠT-MA-ĐA-LA

Tôn giả Đạt-ma-đa-la là người ở núi Hạ lan tỉnh Cam Túc. Trong các tự viện thờ mười tám vị La-hán, ta thường thấy bên cạnh ngài, người ta tạc thêm một con hổ. Do đó, có người gọi ngài là La-hán Phục Hổ. Ngài cũng được người đời sau đưa vào hàng mười tám vị La-hán.

Thuở nhỏ, Đạt-ma-đa-la thường đến chùa chơi vì ngài rất thích tướng mạo kỳ lạ, ngộ nghĩnh của mười sáu vị La-hán được tôn thờ tại một cái am trong chùa. Sư phụ trong am thấy ngài hay đến chơi nên thường theo tán gẫu và kể cho ngài nghe những

chuyện rùng rợn như thặng thiên độn thổ của các vị La-hán. Ngài nghe xong vừa thích lại vừa sợ.

- Này cậu bé, cậu có thích La-hán không? –Vị sư phụ hỏi.

- Dạ thích! – Đạt-ma-đa-la thành thật đáp.

Vị sư phụ xoa đầu ngài bảo:

- Vậy thì nên thường đến lễ bái nghen!

Ngay trong tánh linh trẻ thơ, Đạt-ma-đa-la rất sùng bái những vị La-hán thần thông quảng đại, nên mỗi lần không có việc gì làm ngài thường đến am, một mình lặng lẽ chiêm ngưỡng, có khi đứng xem cả buổi chiều.

Dần dần toàn bộ hình dáng tướng mạo của mười sáu vị La-hán đều in đậm trong tâm trí ngài; thậm chí khi ngủ, ngài cũng mơ thấy.

Quá chí thành tôn kính các vị La-hán, đến nỗi ngài không dám tiêu xài một đồng nào để đem số tiền dành dụm được đó đi mua các thứ danh hương hoa quả tốt tươi đến am cúng dường các vị La-hán.

Một hôm, đang đứng lễ bái, bỗng nhiên ngài thấy các vị La-hán huơ tay múa chân, mắt lại chớp chớp như người thật.

Đạt-ma-đa-la ngỡ mình hoa mắt, vội đưa tay dụi mắt, định thần nhìn lại. Lần này, ngài thấy rõ hơn, một số vị còn cười rất tươi.

Từ đó, Đạt-ma-đa-la càng kính ngưỡng tôn thờ những vị La-hán. Hầu như ngày nào ngài cũng thấy những kỳ tích cảm ứng, lúc thì nghe các ngài xướng tán, khi thì thấy các ngài bay ra cửa sổ, lượn mấy vòng trên không rồi bay vào.

Một hôm, Đạt-ma-đa-la hỏi một vị La-hán:

- Thưa ngài! Con phải tu tập thế nào mới thành A-la-hán?

- Sao! Người cũng muốn làm La-hán à? Đơn giản thôi, chỉ cần người siêng đọc sách, làm nhiều việc thiện, tinh tấn ngồi thiền là được.

- Xin các ngài dạy con được không?

- Không vấn đề gì, sau này người hãy gắng tu hành cho tốt!

Được các vị La-hán chỉ dạy, công phu của Đạt-ma-đa-la tiến bộ rất nhanh, chẳng bao lâu ngài cũng ngộ đạo chứng quả A-la-hán.

Còn về con hồ nằm bên cạnh ngài cũng có một câu chuyện lưu truyền trong dân gian như sau:

Có người nói, sau khi chứng quả, Đạt-ma-đa-la du hóa khắp nơi thuyết pháp giảng kinh, thấy ai gặp nạn liền ra tay cứu giúp, giải quyết mọi chuyện.

Một hôm, trên đường du hóa đến núi Hạ lan tỉnh Cam túc, ngài ghé vào một gia đình nọ, đang định xin miếng nước uống thì không biết chuyện gì mà thấy gia đình này lại khóc lóc thảm thiết.

Đạt-ma-đa-la quan tâm hỏi:

- Có chuyện gì mà cả nhà đều khóc vậy?

- Dạ, gần đây xuất hiện một con hổ dữ ăn thịt người, anh em của con đều bị nó ăn hết rồi.

Đạt-ma-đa-la an ủi:

- Được rồi, nín đi, để ta thu phục nó!

Ngay trên con đường nhỏ hổ thường ẩn hiện đi qua, Đạt-ma-đa-la đào một cái bẫy, phía trên ngài lấy cỏ phủ kín lại như không có gì.

Gần tối, con hổ dữ đó quả nhiên lại xuống núi. Vì không cẩn thận nó rơi tồm vào trong bẫy sâu.

Hổ gầm rống vùng vẫy suốt hai ngày đêm trong bẫy, tiếng gầm càng lúc càng nhỏ, trông biết nó đã sức cùng lực kiệt, lúc này Đạt-ma-đa-la mới đến đứng trên bẫy bảo:

- Nếu người đồng ý không hại người nữa, ta sẽ cho người con đường sống.

Hồ gục đầu không nói, có vẻ ăn năn nên Đạt-ma-đa-la thả nó đi.

Không ngờ một tuần sau nó lại xuất hiện, lần này càng hung tợn hơn, liên tiếp làm hại rất nhiều người.

Sớm đã liệu trước nó sẽ không dễ sửa đổi như thế nên Đạt-ma-đa-la ở lại trong một gia đình dưới núi lạnh lẽo đợi sự tình xảy ra. Lúc này, hung tánh của nó càng bộc phát dữ dội. Do đó, ngài lại chuẩn bị lên núi thu phục.

Lần đi này, Đạt-ma-đa-la mang theo bình bát. Tuy rừng núi hoang vắng song ngài vẫn không chút sợ sệt.

- Gừ, gừ....! Tiếng gầm từ xa vọng tới.

Đợi Đạt-ma-đa-la đi đến gần một tảng đá, hồ thành linh từ sau tảng đá xông ra. Tuy lách người qua được nhưng do không cẩn thận ngài bị trượt ngã. Hồ tiếp tục quay đầu tấn công. Thấy nó về tới mà chưa kịp đứng dậy, Đạt-ma-đa-la vội ném bình bát ra, một chuyện lạ xuất hiện, bình bát lập tức phát hào quang biến to ra, hồ vừa nhảy tới thì rơi gọn vào trong bát. Liên khi ấy, bình bát từ từ thu nhỏ lại.

- Này nghiệt súc! Đây là lần cuối cùng ta tha cho ngươi đi, lần sau nếu còn tiếp tục hại người nữa thì đừng trách ta. – Nói xong, Đạt-ma-đa-la thả hổ đi.

Từ trong bát được thả ra, hổ trông rất nhỏ. Đạt-ma-đa-la niệm mấy câu thần chú cho nó trở lại nguyên hình. Trong tâm có vẻ vẫn không phục, nó liếc nhìn ngài một cái rồi uể oải bước đi.

Ba ngày sau, gia đình gần đó lại đưa tin hổ hại người. Đạt-ma-đa-la đành phải một mình lên núi. Nhưng lần này để bắt được nó thật không đơn giản chút nào, vì chẳng biết từ đâu nó gọi mấy ngàn con cả lớn nhỏ đến. Khi ngài vừa đi tới lưng chừng núi thì bị bọn chúng bao vây, con nào cũng nhe nanh múa vuốt nhìn ngài với ánh mắt hung tợn. Tình huống lúc này quá nguy cấp. Bỗng con quái hổ giận dữ rống lên, lát sau mấy ngàn con kia cũng đồng rống lên. Tiếng gầm chấn động cả núi rừng, đá trên núi lăn xuống dồn dập.

Đạt-ma-đa-la không chút hoang mang, vẫn thản nhiên ngồi xuống tọa thiền, miệng niệm thần chú. Khi ấy, bỗng nhiên xuất hiện vòng lửa đỏ rực bao quanh Ngài.

Hổ là loài sợ lửa nên đầu tiên những con nhát gan chạy trước, lát sau cả đám thấy không đủ sức cũng bỏ chạy theo, cuối cùng chỉ còn lại mình con quái hổ

kia. Thấy không kham, nó cũng cất bước định chuồn, song bị Đạt-ma-đa-la nhanh chóng đứng dậy nhảy tới chụp lấy đuôi. Nó quay đầu phản công, Đạt-ma-đa-la dùng đôi tay linh hoạt bám vào đầu. Bị khóa chặt, nó cố sức giãy giụa đủ cách nhưng không có cách gì thoát ra được.

Đợi nó ngoan ngoãn, Đạt-ma-đa-la vỗ đầu từ ái bảo:

- Ăn thịt người là không tốt, đời đời kiếp kiếp về sau sẽ không được đầu thai làm người. Người nên cải tà quy chánh, theo làm thị giả về núi tu hành với ta, giúp ta hoằng dương Phật pháp, cứu độ chúng sanh.

Hiểu được tiếng người nên nó gật đầu vui vẻ đi theo Đạt-ma-đa-la. Do đó, về sau bên cạnh Đạt-ma-đa-la, người ta thường vẽ thêm một con hổ nằm, nghe nói đó chính là con quái hổ này.

* * *

Chuyện mười tám vị La-hán đến đây đã kết thúc. Các bạn có cảm thấy thú vị và yêu thích không?

Tương truyền Bồ Đại Hòa thượng do Bồ-tát Di Lặc hóa thân cũng được đưa vào hàng mười tám vị La-hán. Giai thoại về Ngài xin xem truyện “Nụ cười

đức Phật Di Lặc” của “Tứ ân Phật giáo nhi đồng tụng thư”, ở đây không giới thiệu thêm.

Sau cùng, chắc các bạn sẽ cảm thấy lạ và thắc mắc: “Tổng cộng không phải chỉ có mười tám vị La-hán thôi sao? Vì sao trong sách lại giới thiệu đến hai mươi vị? Xuất hiện thêm hai vị nữa là như thế nào?”

Các bạn có nhớ phần trước chúng tôi đã nói La-hán trụ thế thực ra chỉ có mười sáu vị, sau này dần dần được người đời sau thêm vào hai vị thành mười tám vị. Vấn đề đặt ra ở đây là vì đối tượng yêu thích, tôn kính, ngưỡng mộ của mỗi người khác nhau nên hai vị La-hán được thêm vào cũng không giống nhau. Nếu như để bạn tuyển chọn thì bạn cho rằng ngoài mười sáu vị La-hán vốn có ra nên thêm vào hai vị nào?

Phụ trương về “Thập bát La-hán”

HUYỀN THOẠI DÂN GIAN VỀ MƯỜI TÁM VỊ LA-HÁN

1. Sự tích thứ nhất được kể trong tập sách viết bằng chữ Hán của thầy giáo thọ Hoàng Khai, trụ trì chùa Càn an, tỉnh Bình định, vào năm Tự Đức thứ tư (1857). Theo sách này thì nước Triệu có một nàng công chúa tên Hy Đạt, vốn chí thành mộ đạo, nàng chuyên niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà. Năm mười lăm tuổi, nàng ăn một đóa hoa sen vàng, rồi hoài thai đến sáu năm mới sinh ra mười tám đồng tử. Các đồng tử ấy về sau được đức Quan Âm hóa độ và thọ ký để họ trở thành mười tám vị La-hán.

Nội dung sự tích này khá lý thú, tương đối có giá trị về mặt văn chương, nhưng cốt truyện lại pha trộn tinh thần Phật, Khổng, Lão nên ít có giá trị về mặt lịch sử.

2. Sự tích thứ hai: Tương truyền ngày xưa, tại Trung Quốc có mười tám tên cướp rất hung dữ. Về sau họ hồi tâm cải tà quy chánh, nương theo Phật pháp tu hành và đắc giả A-la-hán.

Sự tích này tương đối có ý nghĩa, nhưng lại có tính cách huyền thoại, do đó ít được người ta chấp nhận.

Đạo Luận (sưu tầm)

Theo truyền thuyết Trung Hoa

Thuở xưa, ở ngôi làng nọ có một vị trưởng giả giàu lòng nhân từ, tôn thờ Tam bảo, tin hiệu nhân quả. Nhà ông ta giàu có, ruộng vườn mênh mông bát ngát “cò bay thẳng cánh”. Trong nhà, ông ta có nuôi một con bạch mã để hàng ngày chuyên chở thóc lúa.

Vào một đêm, ông trưởng giả cứ trần trọc băng khuâng, giấc ngủ chẳng thành, trạng thái bất an vương vấn mãi trong lòng. Sẵn đêm khuya cảnh vắng, gió mát trăng thanh, ông ngồi dậy dạo gót ra vườn, rồi lần hồi đi qua chuồng ngựa, thì bỗng nhiên có người gọi giật ngược: “Ông trưởng giả!”. Ông trưởng giả giật mình ngó quanh chẳng thấy ai. “Ông trưởng giả!” – Tiếng gọi một lần nữa lại phát ra. Lúc đó, ông mới biết đích thật âm thanh ấy phát ra từ chuồng ngựa. Chưa kịp trấn tĩnh thì con bạch mã nói tiếp: “Ông đừng ngạc nhiên, chính tôi gọi ông đấy!” Ông trưởng giả lắp bắp: “Mày.....mày.... nói được tiếng người sao?”. Con bạch mã đáp: “Đúng vậy! Ông đừng lấy làm lạ, tôi sẽ kể cho ông nghe mọi chuyện”.

Vào thời quá khứ, tôi đã ăn cắp của ông bảy năm thóc, nhân quả báo ứng nên kiếp này phải đọa làm thân ngựa chở thóc trả nợ cho nhà ông đúng bảy năm. Giờ thì mãn kiếp, giây lát nữa đây tôi sẽ từ giã cõi đời nhưng vì ơn ông đối xử với tôi quá tốt, không

một chút đòn roi, tôi không biết làm sao để tỏ lòng tri ân. Vậy tôi mách bảo một chuyện cho ông biết. Khuya mai, cũng vào giờ này có mười tám tên tướng cướp, chúng sẽ tấn công gia trang của ông. Ông phải thiết bày hương án để nghinh đón họ và giải thích nhân quả để cho họ biết mới mong thoát khỏi đại nạn.

Dứt lời, bạch mã từ từ quỵ xuống nhắm mắt lại, bắt đầu giấc ngủ ngàn thu. Ông trưởng giả ngậm ngùi xót thương và làm theo lời bạch mã.

Đêm hôm sau, đúng vào giờ tý canh hai, từ xa có tiếng vó ngựa vọng lại, rồi dần dần rầm rộ trước cửa gia trang ông trưởng giả. Ngay lập tức, bọn cướp tung cửa xông vào; nhưng đột ngột tên thủ lĩnh kéo dây cương, làm con ngựa dừng lại, đưa hai chân, hí lên một tiếng vang dội giữa đêm khuya thanh vắng. Vì phía trước có một bàn hương án khói hương nghi ngút chắn ngang, và một ông lão quắc thước ngồi im lặng bất động, hòa quyện giữa màn sương lạnh đêm khuya mờ mờ ảo ảo. Cả toán cướp rợn cả người chưa kịp xử lý ra sao thì ông trưởng giả đứng dậy. “Choảng!” tên thủ lĩnh tuốt gươm khỏi bao, lưỡi thép già sắc xanh phản ánh trăng chiếu lên khuôn mặt hấn đầy sát khí. Ông trưởng giả bình tĩnh thong thả bước đến vái chào tên thủ lĩnh:

- Tôi đã chờ các vị từ lâu rồi.

Tên thủ lĩnh kinh ngạc hỏi dồn:

- Ông làm sao biết ta đêm nay hạ sơn cướp gia trang mà đón chờ? Vì sao không tìm cách đối phó mà lại bày trò quái quỷ gì đây?

Ông trưởng giả bèn thuật lại đầy đủ câu chuyện của con ngựa đã mách bảo. Sau giây phút bàng hoàng im lặng, tên thủ lĩnh xuống ngựa đến trước bàn hương án nói:

- Chỉ có bảy năm thóc mà phải chở lúa trả nợ bảy năm hưởng gì cuộc đời của ta mười năm grom không ráo máu, giết người không góm tay, tội lỗi cao như núi, nghiệp chướng sâu như biển. Giờ thì mới hiểu, những thú vui ngắn ngủi phù du của một kiếp người, trong chốc lát đã dọn đường cho sự đau khổ triền miên ở cõi bên kia.

Đoạn ngược mặt lên trời thở một hơi dài, đôi dòng lệ lăn tròn trên má. Bất chợt, tên thủ lĩnh rút dao ngắn đâm vào ngực, móc trái tim bỏ lên bàn rồi ngã xuống, máu loang đỏ cả mặt đất.

- Đại ca! – Mười bảy tên cướp cùng kêu to chạy tới quỳ mọp xuống đất, hòa trong tiếng khóc nức nghẹn đón đau. Biết đại ca mình đã ăn năn hối lỗi phải đền nợ sám hối bằng trái tim máu chân thành, nên cuối cùng mười bảy tên cướp còn lại ấy cũng tự

sát theo cái chết cao cả của đại ca, dâng tiếp mười bảy trái tim lên bàn hương án tạ tội.

Đêm nay trái đất như ngừng quay, thời gian như đứng im lắng đọng, để tiễn đưa mười tám linh hồn vừa thức tỉnh sau cơn mê trở về miền Tây phương cực lạc. Có lẽ, nẻo đường của Bồ-tát là thị hiện và hạnh nguyện, đem hạt giống Bồ-đề gieo ngay cánh đồng sanh tử khô cằn với những khổ đau triền miên của chúng sanh. Vì vậy, họ lại mang sứ mạng của Như lai làm mười tám vị La-hán, quay lại cõi Ta bà để cứu vớt những chúng sanh với khát vọng cháy bỏng mong tìm con đường sáng.

Cuộc đời mười tám vị La-hán có nhiều chi tiết mà ta ngỡ là hoang đường khó tin, như truyện Liêu Trai Chí Dị. Nhưng sự thật trên đời có gì đẹp hơn, thi vị hơn cho bằng những câu chuyện hoang đường, thần thoại, cổ tích, truyền kỳ? Chính những câu chuyện hoang đường, thần thoại, cổ tích, truyền kỳ ấy mới nói lên thực tại kỳ bí của con người và cuộc đời.

Nha Trang, Long Sơn thân cận thiện xứ.

Như Giáo